

10. RA ĐI

Chuyến đi đã được ấn định vào ngày mốt, tức 22 tháng mười hai.

Nếu Ayrton đồng ý tham gia cùng đoàn thám hiểm, dẫn họ đi qua các khu rừng của tỉnh Victoria, đến vùng duyên hải phía đông, thì như vậy cuộc hành trình thừa sức bảo đảm thành công. Glenarvan biết thế, nên muốn được người đồng hành trước đây của Harry Grant giúp đỡ. Ông hỏi người chủ nhà xem có đồng ý cho Ayrton tháp tùng họ không, Paddy O'Moore cho biết ông rất tiếc, nhưng không khước từ lời đề nghị ấy.

- Sao, Ayrton, ông đồng ý cùng chúng tôi tham gia cuộc tìm kiếm những người bị nạn của tàu Britania chứ?

Ayrton không trả lời ngay câu hỏi ấy. Thậm chí anh ta còn do dự vài phút. Nhưng sau khi suy nghĩ anh ta nói:

- Tốt thôi, thưa huân tước, tôi sẽ cùng đi với các ông. Thậm chí nếu tôi không giúp ông tìm được dấu tích của thuyền trưởng Grant thì tôi cũng sẽ đưa các ông đến nơi tàu của ông ta bị nạn.

- Cảm ơn ông, Ayrton. - Glenarvan nói.

- Cho phép tôi hỏi huân tước một câu.

- Ông cứ hỏi.

- Các ông hẹn gặp Duncan ở đâu?

- Ở Melbourne.

- Thế còn thuyền trưởng...?

- Thuyền trưởng sẽ đợi lệnh của tôi tại cảng Melbourne.

- Thôi được, thưa huân tước. - Ayrton nói,

- ngài có thể trông cậy vào tôi.

- Tôi trông cậy vào ông, ông Ayrton, - Glenarvan đáp.

Các hành khách của tàu Duncan nồng nhiệt cảm ơn hoa tiêu ấy.

Glenarvan ủy thác cho Paddy O'Moore lo việc cung cấp cho đoàn thám hiểm những phương tiện vận chuyển để vượt qua Australie. Sau khi ký kết giao kèo và hẹn với Ayrton, các nhà thám hiểm trở lại tàu Duncan.

Ai nấy ra vẻ vui vẻ. Tình hình đã đổi khác, không còn phải do dự phân vân gì nữa. Harry Grant đang ở trên lục địa này, điều đó không còn phải hoài nghi. Vì vậy, ai nấy trong lòng tràn ngập niềm vui. Hai tháng nữa thôi, nếu tình hình thuận lợi, Duncan sẽ đưa Harry Grant đặt chân trở lại bờ biển Scotland.

John Mangles rất muốn tham gia cuộc hành trình sắp đến. Chàng đã viện đủ mọi cứ

để thuyết phục Glenarvan. Sau khi nghe chàng thuyền trưởng trẻ giải bày tâm sự của mình, Glenarvan nói:

- Chỉ có một điều là anh hoàn toàn tin cậy được người phó của mình chứ?

- Hoàn toàn tin được, John. Tom Austin là một thủy thủ giỏi. Anh ta sẽ đưa được Duncan đến Melbourne, biết lo liệu và sửa chữa và sau đó đưa tàu đến nơi hẹn đúng ngày.

- Thôi được, John tôi quyết định cho anh đi cùng chúng tôi, - Glenarvan mỉm cười nói tiếp. Để anh được có mặt trong lúc tìm thấy được cha của Mary, dấu sao vẫn hay hơn chứ phải không?

- Ô, thưa huân tước! Đó là tất cả những gì mà chàng thuyền trưởng trẻ có thể nói được. Chàng tái mặt đi, nắm chặt cánh tay của Glenarvan chìa ra cho anh bắt.

Ngày hôm sau, John Mangles cùng với một thợ mộc và mấy thủy thủ mang lương thực trở lại trang trại của Paddy O'Moore. John cần phải cùng người Irlande ấy lo tổ chức việc đi lại cho đoàn thám hiểm.

Cả gia đình người lưu vong đã chờ đợi John và sẵn sàng bắt tay vào việc theo sự hướng dẫn của anh ta. Ayrton cũng có mặt ở đây và không hề hà tiện những lời khuyên giúp.

Paddy và Ayrton đều đồng ý với nhau là phụ nữ cần phải đi xe bò kéo, còn đàn ông thì đi ngựa. Người Irlande đảm nhận cung cấp cho đoàn thám hiểm cả xe lẫn bò. Chiếc xe được đóng và trang bị khá đầy đủ tiện nghi cần thiết cho những người phụ nữ đi đường xa. Sàn xe trải thảm dày, có bàn trang điểm và hai đi-văng nhỏ cho huân tước phu nhân và Mary. Ban đêm, để chống lạnh đã có những bức rèm bằng da dày buông xuống. Cùng lắm thì cánh đàn ông cũng có thể vào xe trú mưa, nhưng bình thường thì họ vẫn phải ngủ đêm trong lều.

Đối với đàn ông thì mọi việc đơn giản hơn. Bảy con ngựa đã được chuẩn bị cho huân tước Glenarvan, Paganel, Robert Grant, Mac Nabbs, John Mangles, và hai thủy thủ Wilson và Mulrady. Ayrton ngồi vào vị trí của người xà ích, còn chàng Olbinet không thích cưỡi ngựa đã được thu xếp ngồi trong toa hành lý.

Hôm sau, lúc 11 giờ sáng, chiếc xe bò đã dẫn đến bờ sông Wimerra, gần kinh tuyến 143. Con sông rộng nửa dặm, dòng nước trong veo chảy giữa những hàng xiêm gai và cây keo cao ráo. Không có cầu, không có phà, thế mà lại phải vượt qua bờ bên kia. Ayrton bắt đầu lội đi tìm chỗ nước nông. Ngược dòng độ một phần tư dặm, thấy sông không sâu lắm, anh ta quyết định cho xe ngựa qua sông chỗ

ấy. Ayrton thử mấy chỗ khác nhau, thấy nước ở đây sâu chưa đầy một mét, nghĩa là xe bò kéo có thể đi qua được mà không mạo hiểm!

Những người cưỡi ngựa đã vây quanh chiếc xe bò kéo nặng; cả đội dùng cầm đi xuống nước. Thông thường khi xe bò lội qua sông, người ta gắn thêm vào chung quanh những chiếc thùng phuy rộng để giữ cho xe nổi trên mặt nước. Nhưng ở đây không có phao an toàn, nên phải trông cậy vào linh cảm của những con bò và sự thận trọng của người xà ích. Ayrton ngồi trên ghế xà ích, điều khiển xe. Thiếu tá và cả hai thủy thủ rẽ dòng nước xiết tiến lên phía trước. Glenarvan và John Mangles đi hai bên, sẵn sàng hỗ trợ phái nữ, Paganel và Robert đi khóa đuôi.

Đến giữa sông Wilmerra, mọi việc diễn ra tốt đẹp. Nhưng tại đó đáy sông trũng xuống và nước ngập quá bánh xe. Mấy con bò bị nước cuốn mạnh, hẫng chân đi chệch đường, khiến chiếc xe nghiêng ngả. Ayrton dùng cầm lao xuống nước, nắm lấy sừng bò dắt chúng đi vào đúng đường. Vừa lúc ấy, cổ xe bất ngờ vấp phải chướng ngại nào đó, phát ra tiếng kêu "rắc" khá mạnh, rồi nghiêng hẳn đi. Nước ngập đến hai chân người ngồi trong xe. Mặc dù Glenarvan và John cố hết sức bám vào thành xe níu lại, nhưng cổ xe bị nước xô đi. tình thế hết sức nguy nan.

May sao, mấy con bò đã bực mạnh lên được phía trước, kéo cả cỗ xe theo. Đáy sông bắt đầu cao dần, và chẳng bao lâu, những con vật và các nhà thám hiểm ướt sũng nước đã sang được bờ bên kia an toàn.

Cỗ xe bị gãy bánh trước. Còn ngựa của Glenarvan thì bị long mất móng. Cần phải chữa ngay những chỗ hư hỏng, ấy càng nhanh càng tốt. Các nhà thám hiểm còn đang phân vân nhìn nhau thì bỗng Ayrton đề nghị cho đi đến ga Black-Poit cách đó hai mươi dặm về phía bắc để kêu thợ rèn đến sửa.

- Tất nhiên phải như vậy rồi, ông đi đi, Ayrton thân mến! - Glenarvan nói. - Ông cần thời gian bao lâu cả đi lẫn về?

- Độ mười lăm tiếng đồng hồ, không hơn.

Thiếu tá có phần lo ngại về việc Ayrton đi đến ga Black-Poit tìm thợ rèn. Nhưng ông không hé răng nói nửa lời về sự nghi ngờ của mình đối với viên hoa tiêu, mà chỉ chăm chú quan sát những vùng ven sông.

Sáng sớm hôm sau Ayrton đã trở về, cùng đi có một người được gọi là thợ rèn ở Black-Point. Đây là một thanh niên cao lớn, vạm vỡ, nhưng nét mặt có cái gì trông thật kinh tởm và man rợ. Anh ta lăm lăm quá dỗi, không nói thừa một lời nào.

Người thợ rèn bắt tay vào việc. Hai giờ

sau, chiếc xe được chữa xong. Ngựa của Glenarvan cũng được người thợ rèn đóng móng rất nhanh, bởi anh ta mang sẵn móng theo. Các móng ấy có một đặc điểm không qua được mắt thiếu tá: trên mặt móng có khắc hình ba chiếc lá, đường nét thô thiển, Mac Nabbs chỉ cho Ayrton thấy điều đó.

- Đây là dấu hiệu của Black-Point, - viên hoa tiêu giải thích, - cốt để tìm dấu vết những con ngựa trốn chuồng và không lẫn lộn chúng với những con khác.

Đóng móng con ngựa xong, người thợ rèn đòi tiền công và bỏ đi không nói một lời.

Nửa giờ sau, các nhà thám hiểm lại đi về phía trước. Đằng sau các bụi cây mắc cỡ mọc hai bên đường hiện ra cánh đồng mênh mông... Đến 11 giờ ngày hôm sau nữa họ đến Carlsbook, một thành phố khá lớn. Ayrton nói rằng chỉ nên đi bên ngoài thành phố thôi để khỏi mất thì giờ.

Glenarvan đồng ý, nhưng Paganel một người rất ham tham thú bất kỳ danh lam thắng cảnh nào, lại rất muốn vào Carlsbook. Ông ta đã tạo được điều kiện ấy, còn cỗ xe bò vẫn tiếp tục cuộc hành trình, nhưng đi chậm lại.

Paganel, như mọi khi cho Robert đi cùng. Họ vào Carlsbook không lâu, nhưng thời gian ấy đủ cho nhà bác học hình dung được chính

xác về thành phố Australie. Ở Carlsbook có nhà băng, tòa án, chợ, trường học, nhà thờ và hàng trăm ngôi nhà gạch giống nhau được bố trí thành hình chữ nhật cân với những đường phố chạy song song, y hệt theo kiểu Anh. Không còn gì có thể đơn giản hơn thế. Tùy theo mức độ phát triển của thành phố, các đường phố của nó cứ việc kéo dài ra. Sự đối xứng ban đầu không bị phá vỡ.

Paganel và Robert ngắm phố xá một tiếng đồng hồ, rồi trở ra thúc ngựa đuổi kịp những người trong đoàn.

Suốt mấy ngày đường, đoàn thám hiểm không hề gặp một bộ lạc thổ dân nào. Glenarvan chợt nghĩ rằng ở Australie có lẽ sẽ không thấy người Australie, cũng như ở các thảo nguyên Argentine không hề gặp những người da đỏ. Nhưng Paganel đã giải thích cho ông rằng các bộ lạc cư trú chủ yếu ở châu thổ sông Murray, cách đây chừng một dặm về phía đông.

Bỗng có tiếng còi tàu hỏa rú vang. Các nhà thám hiểm đang ở cách đường xe lửa độ chừng một dặm. Chiếc tàu chạy chậm từ phía nam tới, dừng lại đúng ngay chỗ xe bò vừa qua đường sắt.

Một tai nạn khủng khiếp vừa xảy ra ở đây. Tàu hỏa không đâm vào nhau, mà bị trật

đường ray và đô nhào. Quãng sông nơi đường sắt chạy qua, ngổn ngang những toa xe và đầu tàu đổ xuống. Không biết do tàu chịu không nổi trọng tải xe lửa hay vì xe lửa bị trật bánh, nhưng trong sáu toa thì có năm toa đã bị lao xuống sông Lutton cùng với đầu máy. Chỉ còn toa cuối cùng may mà xích móc bị đứt nên vẫn còn nguyên vẹn trên đường ray, cách bờ vực thẳm không đầy một mét.

Glenarvan, Paganel, thiếu tá, John Mangles chen lẫn vào đám đông, lắng nghe xem chung quanh người ta nói gì. Ai nấy cố gắng tìm lời giải thích về tai nạn ấy. Trong khi đó việc cấp cứu đã được bắt đầu.

- Có thể là cầu bị sập! - Một người nói.

- Sập làm sao được, - những người khác bác lại, - nó vẫn còn nguyên kia thôi! Chắc là trước khi tàu hỏa đi qua, người ta quên không đóng nhịp cầu quay lại. Chỉ có vậy thôi!

Đúng thế, đó là một chiếc cầu quay dùng cho tàu bè qua lại trên sông. Không lẽ người gác đường tắc trách đã quên đóng cầu để cho chiếc tàu đang chạy bị lao xuống sông? Tai nạn đã xảy ra về ban đêm với chiếc tàu tốc hành số 37 khởi hành từ Melbourne lúc 11 giờ 45 phút tối. Tàu đã bị đỗ ở cầu Camden lúc 3 giờ 15 phút sáng. Khi ấy nó vừa rời ga Castlemaine được 25 phút. Hành khách và

những người phục vụ trên toa xe cuối cùng còn nguyên vẹn đã định yêu cầu cứu cấp, nhưng cột điện đã bị đổ cả, nên điện báo không làm việc. Vì thế, các nhà công chức Castlmaine mãi ba giờ sau mới có mặt nơi xảy ra tai nạn.

Huân tước Glenarvan, sau khi tự giới thiệu với viên thanh tra trưởng, đã nói chuyện với ông ta và viên sĩ quan cảnh sát. Glenarvan xúc động nói: "Thật là một việc hết sức rủi ro!" Viên sĩ quan cảnh sát bình tĩnh nhận xét:

- Còn quá sự rủi ro nữa, thưa huân tước.

- Còn quá nữa! - Glenarvan thốt lên, hết sức kinh ngạc trước câu nói ấy. - Vậy thì sao?

- Sự phạm tội, - viên sĩ quan cảnh sát bình tĩnh đáp.

Glenarvan nhìn Mitchell với vẻ dò hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, - viên thanh tra trưởng lên tiếng. - Qua việc thị sát nơi xảy ra tai nạn, chúng tôi đã khẳng định rằng nguyên nhân của thảm họa này là một tội đại hình... Toa hàng cuối cùng đã bị cướp. Những hành khách còn sống sót đã bị một toán tội phạm năm, sáu tên tấn công. Nhịp cầu quay rõ ràng là đã để ngỏ, nhưng không phải vì tắc trách mà là vì cố tình.

- Đúng thế... - viên thanh tra cảnh sát

nói. - Tôi cho rằng ở đây có bàn tay của “những hành khách không vé trên tàu thủy” đó, thưa ngài. Tôi hy vọng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ tặng chúng món quà đầu xuân này! - Vừa nói viên sĩ quan vừa chỉ vào những chiếc còng tay...

- Sao, bọn tù khổ sai à? - Paganel kinh ngạc, vì ông hiểu những từ lóng ấy ở các vùng dân di cư của Australie nghĩa là gì.

Vừa lúc đó, cỗ xe bò kéo đã đến ngã tư đường sắt. Phía trên cầu chừng vài trăm mét và tiếp tục cuộc hành trình về phía đông. Glenarvan từ biệt hai viên thanh tra và lên đường cùng với họ.

11. BÁO AUSTRALIAN VÀ NEW ZEALAND

Tối ngày ba tháng giêng, đoàn thám hiểm ra khỏi rừng và họ thấy trước mặt lộ nhỏ những ngôi nhà.

- Seymour, - Paganel thốt lên. - Đó là phố thị cuối cùng của tỉnh Victoria mà chúng ta đi ngang qua.

- Vậy thì ta đi vào Seymour, tôi nghĩ rằng hai phụ nữ của chúng ta sẽ vui lòng nghỉ đêm ở đó.

- Em và Mary đồng ý, anh Edward thân yêu ạ! - Helena nói. - Nhưng với điều kiện không gây phiền toái và chậm trễ.

- Không đâu, Glenarvan nói. Vả lại những con bò của chúng ta cũng cần phải được nghỉ ngơi. Sáng sớm mai chúng ta lại lên đường.

Chín giờ tối. Trăng đã ngả về chân trời. Một tốp năm nhà thám hiểm do Paganel dẫn đầu đi vào các đường phố lớn của Seymour. Nhà địa lý dường như bao giờ cũng biết rất rõ những điều mà ông ta chưa hề thấy. Chẳng hạn, theo linh tính, ông đã dẫn những người cùng đi đến khách sạn North British.

Ngựa và bò được đưa vào chuồng, cỗ xe kéo thì đưa vào nhà kho. Còn các nhà thám hiểm thì ở trong các căn phòng khá đủ tiện nghi. Mười giờ, họ ăn cơm tối..

Thiếu tá, tuy không ra phố, thậm chí không bước ra khỏi cửa khách sạn, nhưng cũng cảm thấy rằng người dân ở đây đang lo sợ điều gì đó. Sau khi nói chuyện mười phút với ông Dickson, chủ khách sạn, thiếu tá đã biết được chuyện gì đã xảy ra, nhưng ông không nói với ai.

Mãi đến khi ăn cơm tối xong, huân tước phu nhân Helena. Mary và Robert về phòng nghỉ rồi, thiếu tá mới giữ những người khác lại và nói với họ:

- Người ta đã biết thủ phạm gây ra tai nạn trên đường sắt Sandhurst.

- Bọn chúng bị bắt rồi chứ? - Ayrton hỏi.

- Chưa, Mac Nabbs đáp, dường như không để ý đến sự sốt sắng của viên hoa tiêu.

-Vậy thì dở quá! - Ayrton nhận xét.

- Thế người ta có nêu tên bọn chúng không? - Glenarvan hỏi.

- Đây xin mời đọc, - thiếu tá nói và đưa cho Glenarvan tờ báo "Australian và New Zealand", - và chú sẽ thấy viên thanh tra trưởng quả không nhầm.

Glenarvan đọc to:

“Seymour, mồng 2 tháng giêng năm 1865. Bạn đọc chúng ta còn nhớ, đêm 29 rạng ngày 30 tháng mười hai, tai nạn xe lửa đã xảy ra ở cầu Camden, cách ga Castlmaine năm dặm, trên đường xe lửa Melbourne - Sandhurst. Chuyến tàu tốc hành khởi từ Melbourne lúc 11 giờ 45 phút tối, đang chạy hết tốc lực thì bị lao xuống sông Lutton. Khi tàu chạy qua thì nhịp cầu quay Camden để ngỏ. Rất nhiều cướp xảy ra sau tai nạn này. Đồng thời xác của nhân viên gác đường sắt được tìm thấy cách cầu Camden nửa dặm đã chứng tỏ rằng tai nạn xảy ra là hậu quả của một âm mưu tội ác. Thực vậy, việc điều tra cho thấy vụ này là do bàn tay của một bọn tù khổ sai đã trốn khỏi trại cải huấn Perth ở miền tây Australie nửa năm trước đây, khi bọn chúng sắp bị đưa ra đảo Norfolk. Bọn cướp có hai mươi chín tên. Tên trùm cướp không phải là ai khác mà chính là Ben Joys, một tên tội phạm nguy hiểm nhất. Mấy tháng trước đây, hắn đã đến Australie trên một chiếc tàu thủy, từ đó đến nay hắn vẫn qua mặt cảnh sát.

Chúng tôi yêu cầu cư dân các thành thị, những người di cư hãy cảnh giác để phòng, cũng như kịp thời báo cho thanh tra trưởng biết những tin tức tài liệu có thể giúp cho việc truy lùng bọn tội phạm.

Thanh tra trưởng D.P.Mitchell”.

Khi Glenarvan đọc xong bản thông báo ấy, Mac Nabbs quay sang nói với nhà địa lý:

- Ông thấy không, Paganel, ở Australie vẫn có thể có những tù khổ sai.

- Bọn vượt ngục, điều ấy khỏi nói làm gì, chúng sống ngoài vòng pháp luật, không có quyền cư trú ở đây.

Vậy nhưng chúng vẫn tồn tại, - Glenarvan nhận xét. - Tôi cho rằng sự có mặt của bọn chúng không làm thay đổi kế hoạch của chúng ta và làm gián đoạn cuộc thám hiểm. Anh nghĩ thế nào về việc này, John?

- Nếu như không có huân tước phu nhân và cô Mary thì tôi không lo ngại gì về cái bọn bất nhân ấy. - Anh ta nói.

Glenarvan hiểu anh ta và nói thêm:

- Rõ ràng là không thể nói chuyện khước từ trách nhiệm mà chúng ta đã đảm nhận, nhưng xét vì trong đoàn có phụ nữ, nên tốt nhất là bây giờ chúng ta trở lại Melbourne, từ đó đáp tàu Duncan đi về vùng duyên hải phía đông và tìm kiếm Harry Grant ở đó. Ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs?

- Trước khi phát biểu, - thiếu tá nói, - tôi muốn biết ý kiến của Ayrton đã.

Viên hoa tiêu đưa mắt nhìn Glenarvan, rồi đáp:

- Chúng ta đang ở cách Melbourne hai

trăm dặm, nên tôi thấy rằng, nếu thực sự có nguy hiểm thì không phải đường phía nam ít bị đe dọa nguy hiểm hơn đường phía đông đâu. Cả hai đường đều khá vắng vẻ, đều tẻ như nhau cả. Vả lại, tôi không nghĩ rằng ba chục tên hung thủ lại có thể đáng sợ đối với tám con người dũng cảm và có súng ống đầy đủ. Nói tóm lại, theo tôi, nếu không có đề nghị nào hay hơn thì cứ tiếp tục tiến bước.

- Ông Ayrton nói đúng, Paganel đồng ý. Tiếp tục cuộc hành trình của mình thì ta mới có thể dò ra được dấu tích của thuyền trưởng Grant, còn quay về phía nam thì ngược lại, sẽ càng ngày càng mất đi khả năng ấy. Tôi cũng nghĩ như ông Ayrton rằng một người dũng cảm thì không sợ những tên tù vượt ngục.

- Còn một ý kiến nữa, thưa huân tước, viên hoa tiêu nói khi mọi người sắp giải tán...

- Cứ nói đi, ông Ayrton.

- Có lẽ đã đến lúc phát lệnh cho Duncan bám dọc theo bờ biển chẳng?

- Để làm gì? John Mangles can thiệp vào. Khi nào chúng ta đi đến Twofold - Bay, lúc đó mới cần ra lệnh, nếu không, lỡ vì lý do nào đó buộc chúng ta phải đi Melbourne thì ta lại hối tiếc vì Duncan đâu còn ở đó nữa. Vả lại, có lẽ tàu vẫn chưa sửa xong. Tôi cho rằng tốt nhất là hãy cứ đợi đã.

- Thôi đành vậy, Ayrton đồng ý rút lui ý kiến của mình.

Ngày hôm sau, đoàn thám hiểm rời Seymour, súng ống được chôn chĩnh lại để đối phó với những điều bất trắc xảy ra.



Thật là một đêm khùng khiếp trôi qua. Hai giờ, trời đổ mưa như trút đến tận sáng. Chiếc xe kéo bị sa lầy, nên đoàn thám hiểm phải nghỉ lại giữa rừng. Chiếc lều không đủ sức che mưa, Glenarvan và những người cùng đi phải vào trú trong xe.

Cuối cùng, trời sáng, mưa tạnh. Glenarvan quyết định trước hết phải kiểm tra lại cỗ xe. Hai bánh trước cửa xe gần như bị ngập lút dưới bùn, còn hai bánh sau thì bị lún tới trục. Kéo cả cỗ xe lên khỏi hố lầy là một sự việc không dễ dàng, dù cho có dùng cả sức người, sức bò và ngựa!

Glenarvan, hai người thủy thủ, John Mangles, và Ayrton vào rừng tìm đàn bò và ngựa mà họ buộc tối hôm qua. Mọi người bỏ đi tìm khắp rừng, nhưng chỉ uống công.

Cuộc tìm kiếm kéo dài cả giờ. Glenarvan đã định trở lại chỗ xe đậu cách đó chừng hơn một dặm, bỗng ông nghe tiếng ngựa hí và sau đó gần như cùng một lúc là tiếng bò rống.

Glenarvan, Mulradi và Ayrton lao ngay

lại chỗ chúng và lạng điếng người đi, những con bò và ngựa nằm lăn ra chết, xác đã cứng đờ. Bầy quạ đói nháo nhác quanh các bụi cây mắc cỡ đợi dịp nhào xuống rĩa mồi.

Glenarvan và những người cùng đi đưa mắt nhìn nhau. Wilson buông lời nảo nuột:

- Biết làm sao bây giờ!

- Ayrton, ông dẫn con bò và con ngựa còn sống đi. - Glenarvan cố dần lòng nói. - Bây giờ hai con này đây sẽ cứu giúp chúng ta đó.

Ayrton tháo dây buộc bò, còn Mulradi thì tháo dây buộc ngựa, rồi tất cả cùng đi cặp theo bờ sông về trại. Nửa giờ sau, Paganel, Mac Nabbs, huân tước phu nhân và cô Mary đã được biết đầy đủ chuyện gì xảy ra.

- Tiếc quá đây, ông Ayrton ạ, hôm đi qua sông Wimerra ta đã không đóng móng cho tất cả mấy con ngựa. - Không tìm được nữa, thiếu tá nói với viên hoa tiêu.

- Vì sao vậy, thưa ông?

- Vì rằng, trong tất cả mấy con ngựa của ta chỉ mỗi một con đã được người thợ rèn của ông đóng móng là còn sống sót mà thôi.

- Hoàn toàn đúng! - John Mangles khẳng định. - Thật là một sự ngẫu nhiên lạ lùng!

- Đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên thôi, - viên hoa tiêu đáp, nhìn thiếu tá trừng trừng.

- Mac Nabbs cắn chặt môi, tựa như muốn

kìm lại những điều sắp bật ra khỏi miệng. Glenarvan, John Mangles, Helena có vẻ như chờ đợi thiếu tá nói hết ý của mình ra, nhưng ông đã lặng lẽ đi đến chỗ chiếc xe mà Ayrton vừa xem xét xong.

- Thiếu tá muốn nói gì vậy? - Glenarvan hỏi John Mangles.

- Tôi không biết, thưa huân tước, nhưng thiếu tá không phải là người nói thừa.

- Tất nhiên rồi, John, - Helena nói. - Mac Nabbs có vẻ nghi ngờ Ayrton điều gì đó.

- Nghi ngờ à? - Paganel nhún vai hỏi lại.

- Nhưng nghi ngờ cái gì chứ? - Glenarvan ngạc nhiên. - Không lẽ thiếu tá cho Ayrton là người giết ngựa và bò của chúng ta chẳng? Để nhằm mục đích gì?

- Hay thiếu tá cho anh ta là kẻ đồng lõa với bọn tù khổ sai nọ, - Paganel nói...

Trong lúc ấy, Ayrton kéo xe ra khỏi vùng lầy. Một mình Ayrton vẫn cố tìm mọi cách để khắc phục trở ngại. Anh ta định đưa ra một kế hoạch mới, nhưng Glenarvan đã ngăn lại:

- Thôi, Ayrton, thôi! Chúng ta phải bảo vệ con ngựa và con bò còn lại này. Nếu cần phải đi bộ để tiếp tục cuộc hành trình thì một trong hai con ấy để cho Helena và Mary cưỡi, còn con kia chở lương thực. Cả hai con vật vẫn còn giúp ích cho chúng ta.

Các nhà thám hiểm sau một đêm vất vả đã ăn được bữa sáng khá thơm tât để lấy lại sức rồi bắt đầu bàn việc.

Tất cả mọi người đều nói lên ý kiến của mình và nhất trí tiếp tục cuộc hành trình về vịnh Twofold - Bay càng sớm càng tốt. Helena và Mary sẵn sàng đi bộ năm dặm mỗi ngày.

- Còn Duncan thì sao? - Ayrton hỏi. - Huân tước không thấy bây giờ ra lệnh cho tàu đến Twofold - Bay là đúng lúc rồi sao?

- Ý kiến anh sao, John? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước, tôi thấy không nên vội vã chuyện này. - John trả lời sau khi đã suy nghĩ kỹ. - Huân tước có thể ra lệnh cho Tom Austin đến vùng duyên hải lúc nào cũng kịp.

- Hoàn toàn đúng thế. - Paganel nói tiếp.

- Huân tước cứ suy nghĩ đi, - John Mangles nói tiếp, - vì chỉ bốn, năm ngày nữa là chúng ta sẽ có mặt ở Eden rồi.

- Bốn, năm ngày! - Ayrton nhắc lại. - Không đâu, thuyền trưởng ạ. Ông hãy thêm vào đó độ mười lăm ngày nữa, vì chi là hai mươi ngày, kéo rồi các ông lại phải ân hận.

- Mười lăm hoặc hai mươi ngày mới đi được bảy mươi dặm? - Glenarvan ngạc nhiên.

- Không ít hơn đâu, thưa huân tước. Bởi vì phía trước là vùng cồn cỗi nhất của tỉnh Victoria, nhiều nơi hoang vắng không có lấy

một trang trại nào, chỉ thấy toàn những bụi cây dại mọc, không có đường sá. Phải vừa đi vừa cầm rìu hay dao mà phát, vì vậy các ông hãy tin không thể đi nhanh hơn được đâu.

- Cần nói thêm là, - Ayrton tiếp lời, - đường khó đi vẫn chưa phải là điều chủ yếu. Mà còn phải vượt qua sông Snowy nữa. Lại phải đợi nước rút mới đi được.

- Vậy là con sông Snowy này rộng lắm phải không? - Huân tước Helena hỏi.

- Rộng và sâu nữa, thưa phu nhân, - Ayrton đáp. - Nó rộng đến một dặm, nước lại chảy xiết. Đến tay bơi giỏi cũng không thể liêu lĩnh bơi qua được đâu.

- Ayrton, ý kiến của ông thế nào? - Glenarvan quay sang hỏi viên hoa tiêu.

- Thưa huân tước, tôi sợ rằng nếu không có chi viện kịp thời thì có khi ta còn phải chờ đợi ở sông Snowy này cả tháng nữa đó.

- Thế anh có cách gì khác tốt hơn không? - John Mangles hỏi, giọng hơi bực bội.

- Có, nếu như Duncan rời Melbourne đi về vùng duyên hải phía đông.

- Ôi chao, lại Duncan! Vậy ông hãy cho biết vì sao nếu Duncan đến Twofold. - Bay thì chúng ta đi đến đó sẽ đỡ vất vả hơn?

- Tôi cho rằng trong tình cảnh nguy khốn của ta thì không nên mạo hiểm rời khỏi sông

Snowy. - Ayrton nói bằng một giọng bình tĩnh, tự tin. - Chúng ta cần phải ở lại đây chờ chi viện. Mà chỉ có Duncan mới chi viện được thôi. Chúng ta dừng lại ở đây và cử một người mang lệnh cho Tom Austin đưa tàu đến Twofold - Bay.

- Trong thời gian đó, - viên hoa tiêu tiếp, - nếu nước sông rút thì chúng ta sẽ lội qua hoặc là sẽ làm thuyền bơi qua. Đó là kế hoạch mà tôi đề nghị, thưa huân tước.

- Tốt lắm Ayrton ạ, - Glenarvan đáp, - ý kiến của ông đáng được bàn một cách nghiêm túc... Nhược điểm chủ yếu của ý kiến này là nếu làm như vậy thì chúng ta sẽ mất nhiều thời gian. Nhưng lại bớt phải tiêu hao sức lực, mà cũng có thể tránh được những nguy hiểm trước mắt... Các bạn, ai có ý kiến gì không?

- Thế ý kiến của bác thế nào, Mac Nabbs thân mến? - Helena hỏi thiếu tá. - Từ đầu đến giờ bác chỉ nghe mà chưa nói lời nào?

- Tôi thấy rằng Ayrton đã nói như một người thông minh và thận trọng. Tôi ủng hộ đề nghị của ông ta. - Mac Nabbs trả lời.

Glenarvan tuyên bố rằng kế hoạch của Ayrton đại để được chấp nhận.

- Còn bây giờ, John, - Glenarvan nói với thuyền trưởng trẻ, anh cũng cho rằng ở lại bờ sông đây để đợi phương tiện đi là hợp lý chứ?

- Vâng, - John Mangles đáp, - nhưng chỉ với điều kiện là người liên lạc của chúng ta sang được bên kia sông Snowy mà chúng ta không thể qua được.

Mọi người nhìn viên hoa tiêu, anh ta cười với vẻ tự tin:

- Người liên lạc không cần phải qua sông.

- Không cần? - John Mangles ngạc nhiên.

- Anh ta chỉ quay lại đường Luknow rồi đi thẳng Melbourne.

- Đi bộ những hai trăm năm mươi dặm! - John thốt lên.

- Không, đi ngựa, - Ayrton phản ứng lại, - vì chúng ta còn một con ngựa khỏe có thể cưỡi đi được bốn ngày là tới nơi. Cộng thêm hai ngày Duncan đi Twofold - Bay, một ngày ghé vào chỗ chúng ta. Như vậy là sau một tuần người liên lạc cùng với đội thủy thủ sẽ có mặt ở đây.

- Còn bây giờ, các bạn của tôi, - Glenarvan nói, - chúng ta sẽ chọn người liên lạc. Ai sẽ là người thể hiện lòng trung thành với đồng đội đi chuyển giao thư cho Austin?

Ngay tức khắc Wilson, Mulradi, John Mangles, Paganel và cả Robert nữa đều tình nguyện. John Mangles một mực đòi đi. Nhưng Ayrton im lặng nãy giờ mới lên tiếng.

- Nếu được ngài huân tước cho phép, tôi xin đi. Tôi rành vùng này. Đã nhiều lần tôi

phải phiêu bạt ở những vùng còn hoang vắng và nguy hiểm hơn nữa kia. Tôi có thể thoát nạn ở những nơi mà người khác phải bỏ mạng. Bởi thế, vì lợi ích chung, tôi xin ngài cử chính tôi đi Melbourne.

- Thôi được, để ông đi, Ayrton, - Glenarvan xác định. - Ông hãy khẩn trương đi và trở lại trại của chúng tôi trên bờ Snowy này.

Mắt viên hoa tiêu ánh lên vẻ đắc thắng. Anh ta quay phắt đi, nhưng John đã kịp nhìn thấy ánh mắt ấy. Viên thuyền trưởng trẻ tự nhiên cảm thấy nghi ngờ viên hoa tiêu hơn.

Ayrton lo chuẩn bị đi. Hai thủy thủ giúp anh ta, một người lo thắng ngựa, người kia chuẩn bị lương thực. Còn Glenarvan ngồi viết thư cho Tom Austin. Trong thư ông ra lệnh cho phó thuyền trưởng Austin đưa tàu đến ngay Twofold - Bay. Ông nói về Ayrton như là một người có thể hoàn toàn tin cậy được. sau khi tàu đến vùng duyên hải phía đông thì Tom Austin được phép giao đội thủy thủ của tàu cho Ayrton chỉ huy. Đúng lúc Glenarvan ký vào lệnh ấy thì Mac Nabbs, nãy giờ vẫn theo dõi ông, và hỏi ông bằng giọng hơi đặc biệt, xem ông viết tên Ayrton như thế nào?

- Viết theo đúng tên gọi - Glenarvan đáp.

- Chú nhảm rồi, - thiếu tá nói giọng bình tĩnh, - cái tên ấy kêu là Ayrton, nhưng lại viết là Ben Joyce kia!

12. ALAND ZEALAND

Ben Joyce! Cái tên gây ấn tượng như một tiếng sét đánh. Ayrton đứng phất dậy. Khẩu súng lục loáng lên trong tay hắn. Một phát nổ. Glenarvan bị trúng đạn ngã xuống. Bên ngoài vang lên tiếng súng bắn nhau. Tên tội phạm lảo xược đã biến mất.

- Nấp vào xe! Nấp vào xe! John Mangles vừa hét vừa dắt theo Helena và Mary.

Lát sau, hai người phụ nữ đã an toàn núp sau thành xe làm bằng ván dày, John Mangles, thiếu tá, Paganel và hai thủy thủ chộp lấy súng của mình, chuẩn bị bắn trả bọn tội phạm. Glenarvan và Robert nhập vào chỗ Helena và Mary, còn Olbinett thì vội vã tham gia chiến đấu. Tất cả những sự việc ấy diễn ra nhanh như chớp. John Mangles chăm chú quan sát trước cửa rừng. Ben Joyce vừa đến chỗ bọn cướp, tiếng súng cũng im bật. Không còn dấu hiệu nào của sự tấn công nữa. Thiếu tá và John Mangles truy lùng đến tận rừng. Không thấy tên nào nữa.

- Bọn tội phạm lần trốn hết rồi! - John Mangles nói.

- Đúng, - thiếu tá xác nhận, - chính điều

ấy mới làm tôi lo ngại. Tôi muốn mặt giáp mặt với chúng.

Thiếu tá và John Mangles xem xét cẩn thận địa hình từ cửa rừng đến sông Snowy, không phát hiện ra tên tội phạm nào. Bọn Ben Joyce đã bay biến như bầy ác quỷ vậy. Sự lạ lùng quá mức ấy khiến các nhà thám hiểm cảm thấy không an toàn. Bởi vậy, họ quyết định phải cảnh giác hơn. Cỗ xe kéo - cái pháo đài thực sự bị sa lầy trong vũng bùn đất sét ấy bây giờ được lấy làm trung tâm của trại.

Mối quan tâm đầu tiên của Helena và Mary là băng bó vết thương cho Glenarvan. Lúc ông ngã xuống bởi viên đạn của Ben Joyce, Helena đã hoảng hốt lao tới chỗ chồng. Khi cởi áo kiểm tra lại vai Glenarvan, thiếu tá xem xét kỹ vết thương, thấy viên đạn không đụng vào xương hay gân. Vết thương ra nhiều máu, nhưng Glenarvan vẫn có thể cử động các ngón tay và cánh tay một cách bình thường. Đã đến lúc cần phải làm sáng tỏ tất cả những điều xảy ra. Trừ Mulradi và Wilson đứng gác bên ngoài, những người còn lại đều vào bên trong xe và yêu cầu thiếu tá giải thích rõ những điều ấy.

Ngay từ hôm đầu, Mac Nabbs đã cảm thấy không thể hoàn toàn tin tưởng Ayrton được. Hai, ba sự việc nhỏ, cái nhìn trao đổi

giữa tên hoa tiêu và tay thợ rèn bên bờ sông Wimmera, hẳn muốn tránh những thành phố và làng mạc, hẳn cứ khẳng khẳng đòi đưa Duncan đến vùng duyên hải phía đông. Cái chết đột ngột của mấy con bò và ngựa. Và cuối cùng là cái gì đó không thành thật trong cách cư xử của tên hoa tiêu - tất cả những điều ấy đã gây cho thiếu tá sự nghi ngờ. Tuy nhiên, cho đến trước khi xảy ra những sự việc trong đêm vừa qua thì Mac Nabbs vẫn không khẳng định được vì sao ông nghi ngờ Ayrton.

Đêm qua ông đã rời trại, len lỏi giữa những bụi cây cao, đi nửa dặm đến chỗ có những bóng người mà từ xa ông phát hiện thấy khả nghi. Dưới ánh sáng lân tinh lơ mờ hắt ra từ những cây nấm, ông thấy có ba người đang dò xét những dấu vết trên mặt đất. Trong số đó, Mac Nabbs nhận ra ngay tên thợ rèn ở Black-Point. Đúng bọn nó rồi, - một tên nói. Ừ! - Tên khác lên tiếng, - có dấu ba lá trên móng ngựa đây này - Dấu móng ngựa đi từ bờ sông Wimmera tới. - Mấy con ngựa chết rồi. Thuộc độc sẵn ngay đây mà lại. - Dù giết cả trung đoàn kỵ mã cũng được ấy chứ. - Ừ, giống cây thuốc độc ấy thế mà hay!

- Đến đây chúng bỗng im lặng, - Mac Nabbs nói tiếp, - rồi chúng lại đi. Tôi mới chỉ nghe được lồm bồm mấy câu, nên cố bám theo chúng. lát sau, chúng lại tiếp tục câu chuyện.

“Ben Joyce cừ thật đấy! - Tên thợ rèn lên tiếng, - đúng là một viên hoa tiêu giỏi! Cái vụ lão định cướp tàu mới ghê chứ! Nếu kế hoạch của lão ta mà thành công thì tội mình giàu to! Lão Ayrton này là quý chứ đâu phải là người”. “Không, hãy gọi lão là Ben Joyce; lão xứng đáng với cái tên đó”. Sau đó, bọn chúng ra khỏi rừng. Đến đây thì tôi đã biết rõ đầu đuôi câu chuyện rồi, nên quay về. Thiếu tá ngừng lại.

Những người bạn của ông ngồi im ngẫm nghĩ.

- Vậy nghĩa là tên bất nhân hoàn toàn không phải là thủy thủ của tàu Britannia. Nghĩa là hắn đã ăn cắp cái tên và bản hợp đồng của một gã Ayrton nào đó.

Mọi người nhìn Mac Nabbs, vì hắn trong đầu ông ta chắc cũng đã từng nghĩ ra ý nghĩ như vậy rồi.

- Có thể nói một cách chính xác về tất cả những chuyện đó như thế này, - thiếu tá đáp bằng một giọng bình tĩnh vốn có của mình. - Tôi thấy rằng con người ấy vẫn chính là Ayrton, Ben Joyce là tên lóng của hắn ta. Không nghi ngờ gì nữa, hắn biết Harry Grant và từng là hoa tiêu trên tàu Britannia. Việc này, việc khác đều khẳng định những chi tiết mà hắn đã nhắc lại và câu chuyện của bọn tội

phạm mà tôi vừa kể đã xác minh điều đó. Ta không nên sa vào những giả định vô ích, mà nên thừa nhận rằng Ayrton và Ben Joyce là một, tức là tên thủy thủ trên tàu Britania trước đây, nay đã trở thành tên cầm đầu bọn tội phạm vượt ngục.

Những điều Mac Nabbs nói không ai phản ứng lại.

- Vậy bây giờ, - Glenarvan nói, - bác giải thích cho tôi được chứ. Mac Nabbs, bằng cách nào và tại sao, tên hoa tiêu của thuyền trưởng Harry Grant lại đến được Australie?

- Bằng cách nào ư? Tôi không biết, - thiếu tá đáp. - Cả cảnh sát cũng đã tuyên bố họ không biết gì hơn tôi về điều ấy. Tại sao ư? Tôi cũng không biết nữa. Đây là điều bí mật mà chỉ có tương lai mới khám phá ra được.

- Đến cảnh sát cũng không ngờ rằng Ayrton và Ben Joyce là một tên, - John Mangles nhận xét.

- Anh nói đúng, John, - thiếu tá đáp. - Do đó, những tin tức này cũng có thể giúp ích cho việc truy lùng của cảnh sát.

- Rõ ràng là tên bất nhân đã lọt vào trong trại của Paddy O'Moore với một mục đích tội lỗi. - Helena nói.

- Dĩ nhiên, - Mac Nabbs tán thành. - Có lẽ hẳn định làm một điều ngu ngốc gì đó ở

trại của người Irlande. Một sự ngẫu nhiên đã dẫn hắn đến với chúng ta. Hắn đã nghe được những điều Glenarvan nói, nghe lai lịch vụ đắm tàu, và vốn là một tên táo tợn, hắn đã quyết định lợi dụng việc này để mưu tính lợi ích cá nhân. Rồi ta lập đoàn thám hiểm. Lúc ở bờ sông Wimerra, hắn đã móc nối với người của hắn là tên thợ rèn và làm dấu để theo chúng ta. tên Ben Joyce đã dùng lá cây độc để giết hại số bò và ngựa của chúng ta. Cuối cùng, thời cơ đã đến, hắn dẫn chúng ta vào bãi sinh lầy ven sông Snowy và giao chúng ta vào tay bọn tù khổ sai vượt ngục do hắn cầm đầu.

Việc phát hiện ra sự phản bội của Ayrton làm tiêu tan mọi hy vọng tìm thấy Harry Grant. Để dụ Glenarvan đi sâu vào đất liền, tên tội phạm đã bịa ra vụ đắm tàu ở vùng duyên hải Australie. Điều ấy đã được nhắc đến trong câu chuyện của bọn cướp mà Mac Nabbs nghe được. Không bao giờ Britania lại bị va vào đá ngầm ở vịnh Twofold - Bay cả! Không bao giờ Harry Grant lại đặt chân lên lục địa Australie. Thế là lần thứ hai việc giải thích sai nội dung bức thư đã dẫn những người thám hiểm đi lệch đường.

Thông cảm với nỗi đau khổ của những đứa con của thuyền trưởng Grant, mọi người trong đoàn im lặng. Mà biết nói gì để an ủi

chúng kia chứ. Robert khóc, ôm chặt lấy chị. Paganel lâu lâu nói với vẻ bức tức:

- Chà, bức thư bất hạnh này! Đã nhiều người diên đầu vì mày đây!

Và tự giận mình, nhà địa lý đáng kính dấm dấm vào trán, tưởng muốn bẻ đầu ra.

Trong khi đó, Glenarvan đi lại chỗ Mulradi và Wilson đang đứng gác.

- Mới đây nhất, các bạn không thấy động tĩnh gì chứ? - Glenarvan hỏi họ.

- Không, thưa huân tước, Wilson đáp. Bọn cướp chắc đã chạy cách đây vài dặm rồi.

- Có lẽ chúng ít quá, nên không dám tấn công chúng ta, - Mulrady nói thêm. Có lẽ tên Ben Joyce đã đi chiêu mộ thêm bọn tù khổ sai khác đang hoành hành ở chân núi Alpes.

- Có lẽ thế, Glenarvan tán thành. Bọn bất lương này nhất gan. Chúng biết ta có súng. Có thể là chúng đợi đêm xuống mới tấn công chúng ta. Khi trời tối thì phải tăng cường cảnh giác. Chà, nếu như chúng ta thoát khỏi vùng đầm lầy này và tiếp tục đi về vùng duyên hải thì đỡ biết bao! Nhưng nước sông lên và đã ngăn trở chúng ta. Giá có một cái mảng nào đẩy chở chúng ta sang được bên kia bờ thì tôi sẵn sàng bỏ vàng ra mua bằng bất kỳ giá nào.

- Vậy sao huân tước không ra lệnh cho

chúng tôi đóng mặng, Wilson nói. Cây ở đây thì bao nhiêu cũng có mà!

- Đúng thế, Wilson ạ. Glenarvan đáp. Nhưng sông Snowy không phải là một con sông bình thường, mà là một dòng lũ bất trị.

Lúc sáu John Mangles, thiếu tá và Paganel đến gặp Glenarvan. Họ vừa mới đi khảo sát sông Snowy về. Sau những cơn mưa cuối cùng, nước mưa đã lên sáu mươi phân nữa. Nước chảy xiết. John Mangles nói rằng không thể qua sông được.

- Nhưng không thể khoan tay ngồi đây được nữa, - anh ta nói thêm. - Điều mà chúng ta định làm trước khi Ayrton phản bội thì bây giờ theo tôi vẫn cần thiết.

- Anh muốn nói gì, John! - Glenarvan hỏi.

- Tôi muốn nói rằng chúng ta cần phải có chi viện khẩn cấp, nếu không thể đi Twofold - Bay thì đi Melbourne. Chúng ta còn một con ngựa. Huân tước giao nó cho tôi, tôi xin đi Melbourne.

- Nhưng đó là một ý đồ mạo hiểm John ạ, - Glenarvan nói. - Đây là chưa kể đến cuộc hành trình hai trăm dặm trên một vùng đất không quen biết. Nên hiểu rằng bọn tay chân của Ben Joyce có lẽ đã ngăn chặn mọi con đường rồi.

- Tôi biết, thưa huân tước, nhưng tôi cũng

còn biết rằng không thể kéo dài tình trạng này. Ayrton yêu cầu một tuần lễ để đưa đoàn thủy thủ tàu Duncan đến đây, tôi xin bảo đảm sẽ cùng Duncan trở lại dòng sông này sau sáu ngày thôi. Vậy ý huân tước thế nào, xin ra lệnh?

Trước khi Glenarvan trả lời, Paganel nói:

- Tôi xin có một nhận xét, đi Melbourne là nên, nhưng tôi không đồng ý để John Mangles đi. Anh ấy là thuyền trưởng Duncan nên không thể liệu mình được, thay vào đó tôi xin đi.

- Thế chẳng lẽ chúng tôi không đi được sao? - Mulrady và Wilson đồng thanh nói.

Ai cũng đành đi Melbourne. Cuối cùng Glenarvan lên tiếng đề nghị rút thăm. Paganel viết tên tất cả những người đàn ông. Họ bốc thăm và Mulrady đã trúng. Chàng thủy thủ dũng cảm bật lên tiếng hoan hô.

- Thưa huân tước, tôi sẵn sàng lên đường.

Glenarvan bắt tay Mulrady. Anh chàng đi về phía xe. Còn thiếu tá và John Mangles ở lại gác.

Trong lúc đó, Glenarvan viết thư cho Tom Austin, nhưng ông không thể viết được vì cánh tay bị thương. Ông nhờ Paganel viết giúp. Nhà bác học đang mãi tập trung suy nghĩ điều gì, nên hình như không để ý đến

chung quanh. Cần nói rằng việc lá thư bị giải thích sai nội dung đã làm ám ảnh ông. Ông tìm đủ mọi cách đặt ngược, đặt xuôi các từ trong thư, cố tìm ra ý mới. Công việc ấy cuốn hết tâm lực ông.

Tất nhiên ông đã không nghe thấy lời đề nghị của Glenarvan, nên huân tước phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần:

- À tuyệt, tôi sẵn sàng! - Paganel nói.

Nói xong, ông liền lấy cuốn sổ ghi chép của mình ra, xé một tờ giấy, cầm bút chì lên sẵn sàng viết.

Glenarvan bắt đầu đọc chính tả như sau:

- Tôi ra lệnh Tom Austin cho tàu Duncan ra khơi và đi...

Paganel viết đến đây tình cờ ông thấy tờ báo "Australian và New Zealand" rơi xuống đất. Tờ báo được gấp lại, nên trong cả cái tên báo dài viết bằng tiếng Anh "Australian and New - Zealand Gazette" ông chỉ nhìn thấy năm chữ sau cùng của từ "New Zealand". Cây bút chì của Paganel bỗng nhiên dừng lại, nhà địa lý hình như đã quên bằng cả Glenarvan lẫn bức thư của ông ta và những gì ông ta vừa đọc cho viết.

- Paganel! - Glenarvan kêu lên.

- Ối! - Nhà địa lý giật mình.

- Ông làm sao vậy? - Thiếu tá hỏi.

- Không sao cả, không sao cả. - Paganel lúng túng, rồi ông ta lẩm bẩm một mình "Aland! Aland!".

Ông chồm dậy và chụp lấy tờ báo. Ông rũ tờ báo và cố tìm không nói thành lời.

Huân tước phu nhân, Mary, Robert, Glenarvan ngạc nhiên nhìn nhà địa lý, không hiểu lý do gì làm ông hồi hộp như thế.

Glenarvan lại đọc cho ông viết tiếp. Lá thư được viết với nội dung như sau:

"Tôi ra lệnh Tom Austin cho Duncan ra khơi ngay và đi theo vĩ tuyến 37 đến vùng duyên hải phía đông Australie".

- Australie? - Paganel hỏi lại. - Ôi, phải rồi, Australie!

Viết xong nhà địa lý đưa thư cho Glenarvan. Vết thương làm cho huân tước khó khăn lắm mới ký được vào thư. Sau đó, Paganel tay vẫn còn run vì xúc động, đề lên phòng bì: "Gửi Tom Austin, người thuyền phò của tàu Duncan, Melbourne".

Rồi ông ra khỏi xe, vừa làm điệu bộ vừa nhắc đi nhắc lại những lời khó hiểu:

- Aland! Aland! Aland!

13. BỐN NGÀY CỰC NHỌC

Thời gian còn lại trong ngày trôi qua chẳng có chuyện bất thường gì nữa. Mọi việc chuẩn bị cho chuyến đi của Mulrady đều đã xong xuôi. Chàng thủy thủ trung thực lấy làm sung sướng được tỏ rõ với Glenarvan lòng trung thành của mình.

Paganel đã điềm tĩnh trở lại. Có thể nói là ông đang miệt mài suy nghĩ điều gì đó, nhưng còn giấu chưa nói ra. Chắc là có nguyên cớ gì quan trọng đây. Thiếu tá thấy ông lẩm bẩm nói như tự đấu khẩu với bản thân mình.

- Không! Không! Người ta không tin nhiệm mình nữa! Mà để làm gì chứ! Quá muộn rồi!

Paganel nghĩ vậy, rồi lấy bản đồ ra bắt đầu chỉ dẫn đường đi Melbourne cho Mulrady. Chặng đường nguy hiểm nhất là mấy dặm đầu tiên gần trại thôi, vì bọn Ben Joyce còn lẩn trốn quanh đây. Chủ yếu là làm sao vượt qua được mấy dặm ấy, còn sau đó thì chúng không thể đuổi theo được, và thế là Mulrady có thể hoàn thành nhiệm vụ.

Sáu giờ chiều, mọi người đã ăn cơm xong.

Trận mưa rào ập xuống, lán trại chống chọi không nổi, vì vậy tất cả phải vào xe. Bây giờ, đó vừa là nơi trú ẩn, vừa là pháo đài. Kho vũ khí trong xe gồm có bảy khẩu carbine và bảy khẩu súng lục, có thể chống trả được một cuộc vây hãm kéo dài mà không sợ thiếu đạn và lương thực. Còn sau đó, bảy ngày nữa Duncan sẽ tới chi viện... Thậm chí nếu chưa qua được sông thì dẫu sao trước một lực lượng áp đảo như thế bọn cướp cũng phải tháo lui. Nhưng muốn vậy thì trước hết phải làm sao cho Mulrady hoàn thành được nhiệm vụ...

Tám giờ, trời tối hẳn. Đã đến giờ đi. Con ngựa yên cương sẵn sàng được dắt đến. Các móng của nó được cuốn giẻ để nện lên đường không phát ra tiếng kêu... Thiếu tá khuyên Mulrady chăm sóc con ngựa chu đáo. John Mangles đưa cho chàng thủy thủ khẩu súng lục mà anh vừa mới nạp đạn cẩn thận... Mulrady lên yên ngựa.

- Đây là thư, anh chuyển cho Tom Austin, Glenarvan nói. Hãy khẩn trương, đừng để phí một giờ nào. Hãy cho tàu đến vịnh Twofold - Bay, nếu không thấy chúng tôi ở đó, tức là chúng tôi không thể qua sông được, phải nhanh chóng cho tàu lại đây. Thôi, đi nhé, chàng thủy thủ trung thực của tôi, cầu trời phù hộ cho anh.

- Tạm biệt huân tước! - Mulrady bình tĩnh

nói rồi mất hút trên con đường mòn chạy dọc theo rừng.

Bỗng trong khoảnh khắc gió lặng, có tiếng kêu thất thanh vọng lại. John Mangles vội vàng lại chỗ thiếu tá.

- Ông có nghe thấy gì không? - John hỏi.

- Có, - Mac Nabbs đáp. - Nhưng là gì nhỉ, người hay thú vật?

- Người đấy, và hình như có cả tiếng súng. - John đáp.

- Ta đến đó xem sao! - Glenarvan nói và khoác khẩu carbine lên vai.

- Không nên, - thiếu tá lên tiếng. - Chúng làm bầy để nhử ta rời khỏi xe đó.

- Lỡ bọn bắt nhân đó giết Mulrady thì sao? Glenarvan nắm tay Mac Nabbs giục đi.

- Điều ấy mai chúng ta biết, - thiếu tá điềm nhiên trả lời. Ông kiên quyết ngăn Glenarvan để tránh sự khinh suất vô ích.

- Huân tước không nên rời khỏi trại. - John Mangles nói. - Tôi sẽ đi một mình.

- Cả anh cũng đừng đi! - Mac Nabbs kiên quyết phản đối. - Lẽ nào huân tước và thuyền trưởng lại muốn cho chúng nó đánh lẻ tẻ từng người, làm suy yếu lực lượng của ta, để ta dễ dàng sa vào tay bọn bắt nhân ấy! Nếu Mulrady đã bị chúng giết thì tại sao ta lại.

dem thí thêm quân? Mulrady ra đi bởi vì chú ấy được bốc thăm. Giả dụ thăm trúng vào tôi thì tôi cũng ra đi như chú ấy và tôi không yêu cầu hay chờ đợi một sự chi viện nào cả.

Glenarvan có lẽ không muốn tán thành những lập luận ấy. Ông day dứt nghĩ đến một người thân thiết đang bị thương nặng và bất lực nằm ở đâu đó và hoài công kêu lên những người mà vì họ, anh ta hy sinh tính mạng. Mac Nabbs hoàn toàn không tin rằng ông ta có thể ngăn giữ được Glenarvan không lao đến nơi có tiếng súng của bọn Ben Joyce.

- Edward, - ông nói. - Chú hãy bình tĩnh. Hãy nghe bạn bè. Hãy nghĩ đến Helena, Mary, tất cả những ai ở lại đây. Mà chú định đi đâu chứ? Tìm Mulrady ở đâu? Nếu chú ấy bị chúng tán công thì ít nhất cũng cách đây hai dặm. Trên con đường nào? Đi lối nào đến đó?

Đúng lúc ấy, như để trả lời thiếu tá, lại có tiếng kêu tuyệt vọng vang lên.

- Nghe kia! - Glenarvan nói.

Tiếng kêu từ phía có tiếng súng vọng lại, cách đó khoảng một phần tư dặm, Glenarvan đẩy Mac Nabbs ra, chạy theo con đường mòn, nhưng mới cách xe độ ba trăm mét ông đã nghe thấy tiếng ai kêu:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Tiếng kêu nghe thảm thiết đau đớn, John

Mangles bỏ ngay đến nơi có tiếng kêu. Mấy phút sau, họ thấy một người đang bò dọc theo cửa rừng và rên rỉ nặng nhọc. Đó là Mulrady, anh bị thương và có thể là sắp chết. Khi những người bạn nâng anh lên khỏi mặt đất, họ thấy tay anh ướt máu.

Khi họ bước vào, tất cả đứng dậy, Paganel, Oblinett, Robert và Wilson ra khỏi xe, còn Helena thì nhường ngấn của mình cho Mulrady tội nghiệp. Thiếu tá cởi áo ngoài dẫm máu và ướt nước mưa của người thủy thủ ra và phát hiện ở sườn bên phải của anh có vết dao đâm. Vết thương ra nhiều máu đã được Mac Nabbs khéo léo rửa sạch, bôi thuốc, băng bó lại. Vết nhọt nhọt và đuôi sóc của Mulrady chứng tỏ vết thương nặng lắm. Nhưng máu đã cầm. Mulrady được đặt nằm nghiêng về phía bên trái, đầu và ngực được gối cao hơn Helena cho anh uống vài ngụm nước.

Mười lăm phút sau. Mulrady đã cựa quậy được, mở mắt ra và bắt đầu thều thào tiếng được, tiếng mất. Thiếu tá cúi sát người anh và lắng nghe được mấy tiếng loáng thoáng.

- Huân tước... bức thư... Ben Joyce...

Thiếu tá nhắc to lên mấy tiếng ấy và nhìn những người bạn của mình với vẻ dò hỏi. Mulrady muốn nói gì? Chắc là Ben Joyce đã tấn công anh ta. Nhưng để làm gì, để

ngăn cản anh ta không liên lạc được với Duncan ư? Bức thư. Glenarvan xem túi áo của Mulrady. Bức thư không còn nữa!

Đêm trôi qua trong sự lo âu thắc thỏm của mọi người.

Trời sáng, mưa tạnh. Nhưng mây đen còn vẫn vũ trên bầu trời.

John Mangles, Paganel và Glenarvan đi khảo sát chung quanh khu trại. Họ lần theo con đường mòn còn in rõ vết máu. Không thấy dấu vết gì của Ben Loyce và đồng bọn. Họ đến tận nơi xảy ra đụng độ. Ở đấy có hai cái xác bọn phi đã bị Mulrady bắn chết. Một trong đó là tên thợ rèn ở Black-Point. Cái chết làm cho mặt hắn méo xệch đi một cách đáng sợ. Đến đây, Glenarvan kết thúc việc khảo sát hiện trường, vì đi xa trại hơn nữa sẽ không có lợi gì.

Ông quay về chỗ để xe với vẻ băn khoăn trước tình hình nghiêm trọng đã xảy ra.

- Không nên nghĩ đến việc cử người khác đi Melbourne nữa. - Ông nói.

- Nhưng điều đó lại cần thiết, thưa huân tước, John Mangles lên tiếng. Tôi xin đảm nhận nhiệm vụ mà người thủy thủ của tôi chưa kịp hoàn thành.

- Không, John, anh cũng không có ngựa để mà đi quãng đường hai trăm dặm dẫu.

Quả thật, ngựa của Mulrady, con ngựa duy nhất mà đoàn thám hiểm còn lại không thấy trở về. Nó bị giết hay bị lạc trong rừng, hay bị bọn chúng cướp đi mất rồi?

- Dẫu sao thì, Glenarvan nói, chúng ta sẽ không rời nhau nữa. Ta đợi ở đây một tuần, hai tuần, cho đến khi nào nước sông Snowy rút đã. Lúc đó ta sẽ đi dần từng chặng đến vịnh Twofold - Bay và từ đó, bằng một con đường an toàn hơn, sẽ gửi lệnh cho Duncan đi về phía đông.

- Ta chỉ còn cách duy nhất ấy thôi, Paganel tán thành.

- Vậy thì các bạn, Glenarvan tiếp tục, chúng ta hãy sát cánh cùng nhau chịu đựng. Lẻ loi một mình giữa nơi bọn cướp hoành hành như thế này là hết sức mạo hiểm.

Glenarvan nói có lý cả trong việc quyết định không phái ai đi nữa, lẫn trong việc kiên trì ở lại bờ sông đợi nước rút. Vì từ đây đến Delegete, thị trấn biên giới đầu tiên của tỉnh Nouvelle - Galles Nam chỉ có ba mươi lăm dặm thôi. Ở đó, tất nhiên họ sẽ tìm được phương tiện để đến được Twofold - Bay và có thể đánh điện đi Melbourne cho tàu Duncan. Những quyết định ấy rất hợp lý, nhưng trễ quá. Giả như Glenarvan đừng phái Mulrady đi Melbourne thì đã tránh được bao nhiêu là

tai họa, đây là chưa nói đến việc một thủy thủ bị thương nặng.

Sau khi trở về trại, Glenarvan thấy những người bạn của mình có phần giảm lo âu hơn. Dường như họ đã ấm lại niềm hy vọng.

- Chú ấy đỡ rồi! Chú ấy đỡ rồi! - Robert kêu toáng lên chạy bổ đến Glenarvan.

Đúng là một giờ trước đây Mulrady đã hồi tỉnh, bớt nóng hơn. Vừa tỉnh lại, chú liền xin gặp Glenarvan, nếu huân tước không có ở đây thì gặp thiếu tá. Mac Nabbs thấy Mulrady đang yếu, nên cấm không cho chú ta nói chuyện. Nhưng Mulrady cứ đòi nói, vì vậy thiếu tá đành chịu.

Glenarvan bắt đầu hỏi chuyện thiếu tá. Và đây là những điều mà thiếu tá nghe Mulrady kể lại:

- Sau khi rời trại, Mulrady phóng ngựa theo đường mòn mà Paganel đã chỉ. Anh ta đi được hai dặm thì bỗng có mấy người lao ra chặn ngựa lại. Con ngựa lồng lên. Mulrady lấy súng lục ra bắn. Anh thấy hình như có hai tên bị ngã gục. Trong ánh lửa đạn anh nhận ra Ben Joyce. Mulrady không nhìn thấy gì nữa. Anh chưa kịp bắn hết băng đạn. Một nhát dao đâm mạnh vào sườn phải làm anh té khỏi yên ngựa. Nhưng anh vẫn chưa bị ngắt đi. Bốn giết người tưởng anh đã chết.

Chúng lục lọi người anh. Sau đó, anh nghe thấy một tên cướp nói: “Thư đây rồi! Đưa đây!
- Ben Joyce lên tiếng - Bây giờ Duncan là của chúng ta!”

Đến đây, Glenarvan chợt thốt lên một tiếng kêu. Mac Nabbs nói tiếp: “Còn bây giờ tụi bây hãy bắt lấy con ngựa, - Ben Joyce nói, - Bốn ngày nữa tao sẽ có mặt trên tàu Duncan, sau ngày nữa tao sẽ có mặt ở vịnh Twofold - Bay. Chúng ta sẽ gặp nhau ở đó. Toán Glenarvan sẽ còn sa lầy ở đây. Tụi bây đi qua cầu Kemplepier ra biển, đợi tao ở đó. Tao sẽ tìm cách đưa chúng bay lên tàu. Khi nào cánh ta ra được biển thì, với một chiếc tàu như Duncan này, ta sẽ làm bá chủ Ấn Độ Dương”. - Hoan hô Ben Joyce! - Bọn cướp hét lên. Bây giờ, các bạn có biết vì sao chú thủy thủ lại thông báo cho chúng ta biết điều đó không?

Câu chuyện của thiếu tá làm cho Glenarvan và mọi người hốt hoảng.

- Bọn cướp biển! Bọn cướp biển! - Glenarvan kêu lên, - chúng định giết cả đoàn của tôi rồi cướp luôn cả tàu Duncan.

- Tất nhiên rồi, - Mac Nabbs nói, - Vì Ben Joyce sẽ bất ngờ chiếm tàu mà, và khi đó thì..

- Thế nghĩa là ta phải ra tay trước bọn bất nhân ấy, - Paganel nói.

- Nhưng làm sao qua được sông đây? - Wilson băn khoăn.

- Đi như tội nó ấy, - Glenarvan đáp. - Bọn tội phạm đi qua Kemplepier, chúng ta cũng làm y như chúng.

- Còn Mulrady thì sao? - Helena hỏi.

- Chúng ta sẽ khiêng chú ấy! Thay nhau mà khiêng! Tôi không thể để cho đoàn người của mình sa vào nanh vuốt của bọn Ben Joyce.

- Thưa huân tước, - John Mangles nói với Glenarvan. - Trước khi quyết định phương án mạo hiểm vượt qua cầu, ta nên dò xét mọi mặt đã. Tôi xin đảm nhận nhiệm vụ này.

- Tôi đi cùng với anh! - Paganel tuyên bố.

Thế là hai nhà thám hiểm dưng cảm mang theo đầy đủ vũ khí và lương thực tiến lên phía trước, len lỏi trong những bụi cây lau sậy um tùm mọc bên bờ sông.

Mọi người đợi suốt ngày, đến khi trời tối rồi mà vẫn chưa thấy họ về. Ai nấy ở trại đều lo lắng.

Cuối cùng, gần mười một giờ khuya, Wilson báo tin họ đang trên đường về. Paganel và John Mangles về đến nơi, người mệt như sau khi đi bộ mười dặm đường.

- Chúng đã đốt mất cây cầu ngay sau khi đi qua rồi! - Paganel thông báo cho mọi người biết.

Không còn thì giờ để thất vọng nữa, mà cần phải hành động. Chiếc cầu Kemplepier đã bị đốt, nhưng dù thế nào chăng nữa cũng vẫn phải vượt qua sông Snowy và đến vịnh Twofold - Bay trước bọn Ben Joyce. Chính vì vậy mà không để mất thì giờ vào những cuộc tranh luận vô ích, Glenarvan và John Mangles, ngay ngày hôm sau, 16 tháng giêng đã ra sông để tìm cách vượt sang bờ bên kia.

Nước lũ chưa rút, vẫn cuộn cuộn trôi với vẻ hung dữ không sao tả xiết. Xuống nước bây giờ có nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay. Glenarvan cúi đầu, khoanh tay trước ngực và đứng lặng trên bờ.

- Huân tước cho tôi thử bơi sang bờ bên kia được không? - John Mangles đề nghị.

- Không được, John, Glenarvan đáp, giữ chặt tay chàng thanh niên dũng cảm, ta đợi đã!

Họ trở về trại. Một ngày trôi qua trong sự lo âu mệt mỏi. Có đến mười lần Glenarvan ra bờ sông. Ông định nghĩ ra một cách táo bạo nào đó để vượt qua sông.

Ngày 18 tháng giêng, thuyền trưởng John Mangles và anh chàng thủy thủ đóng một chiếc thuyền bằng vỏ cây ghép lại và đi thử. Họ trở hết tài khéo léo, tháo vát, sức mạnh và lòng dũng cảm. Nhưng con thuyền vừa đặt

xuống nước đã bị cuốn phăng vào dòng xoáy rồi biến mất. John và Wilson phải gắng sức bơi vào bờ.

Tình hình ấy không thể kéo dài vô tận được. Nước lũ dâng lên mạnh bao nhiêu thì cũng rút nhanh bấy nhiêu. Sáng ngày 21, Paganel thấy nước sông bắt đầu xuống. Nhà địa lý báo cho Glenarvan biết.

- Nước rút cũng vậy thôi! - Glenarvan đáp. Quá muộn mất rồi!

- Đó không phải là cái cơ để ta ở lại đây.
- Mac Nabbs nhận xét.

- Tất nhiên, John Mangles đáp. Có thể ngày mai ta qua sông được rồi đó.

- Liệu thế thì có cứu được đoàn người không may của ta không? Glenarvan kêu lên.

- Xin huân tước hãy nghe tôi, chàng thuyền trưởng trẻ nói. Tôi hiểu Tom Austin lắm. Anh ấy tất nhiên sẽ thi hành mệnh lệnh và nhổ neo ra khơi ngay khi nào điều kiện cho phép. Nhưng làm sao ta biết được khi Ben Joyce đến Melbourne thì Duncan đã kịp sửa chữa xong? Nếu chưa xong thì sao? Nếu Austin chậm lại một hai ngày thì sao?

- Anh nói đúng, John - Glenarvan tán thành.

Cần phải đến được Twofold - Bay. Chúng ta cách Delegète có ba mươi lăm dặm nữa thôi!

- Ở đó, - Paganel nói, chúng ta sẽ tìm được phương tiện đi nhanh hơn. Biết đâu chúng ta kịp ngăn chặn được tai họa cũng nên.

- Vậy thì, lên đường! - Glenarvan hô to.

John Mangles và Wilson tranh thủ thời gian đóng một cái bè lớn. Họ đã rút được kinh nghiệm rồi, vỏ cây không thể chịu được dòng chảy mạnh. Vì vậy, John Mangles đã chặt cây rừng đóng thành một cái bè thô thiển, nhưng chắc chắn... Ngày hôm sau là bè đã được đóng xong.

Mười hai giờ rưỡi trưa, mọi người xếp lương thực lên bè với số lượng đủ cho mỗi người ăn hai ngày. Còn lại họ bỏ trong xe và lều. Mulrady sức khỏe đã bình phục. Anh ta có thể cùng đi theo.

Một giờ sau, tất cả lên bè, John Mangles đặt phía bên phải bè một mái chèo để chống chọi với dòng chảy và giữ cho bè đi đúng hướng. Thuyền trưởng giao cho Wilson giữ chèo. Còn anh đứng phía sau điều khiển tay lái. Huân tước phu nhân Helena, Mary và Mulrady được xếp ngồi ở giữa bè. Glenarvan, thiếu tá và Robert ngồi chung quanh họ, để nếu cần thì có thể giúp ngay được.

John và Wilson lại cầm chắc tay chèo, họ đã điều khiển được chiếc bè rẽ dòng đi sang bờ bên kia.

Họ còn cách bờ chừng trăm mét, bỗng mái chèo của Wilson bị gãy. John cố sức giữ cho bè ổn định. Wilson hai tay bật máu lao đến hỗ trợ cho thuyền trưởng. Cuối cùng họ đã chiến thắng, sau gần một giờ vật lộn với sóng nước, chiếc bè đã cập bờ bên kia. Do bị va chạm mạnh vào bờ, những sợi dây chằng bị đứt hết, các cây gỗ bung ra, và nước trào lên bè. Các nhà thám hiểm vừa kịp túm lấy những bụi cây là đà trên mặt nước và kéo theo được Helena, Mary và Mulrady lên bờ. Mọi người nguyên vẹn cả, nhưng phần lớn lương thực và toàn bộ vũ khí trừ carbine của thiếu tá, đều bị nước cuốn đi cùng với những mảnh bè bị vỡ.

Vậy là sau khi qua sông, đội thám hiểm gần như lâm vào cảnh trắng tay ở giữa nơi hoang vắng xa lạ, cách Delegeete ba mươi lăm dặm. Nơi đây không thấy một bóng người di dân, trừ phi gặp bọn cướp tàn bạo.

Ngày hôm sau, Mulrady thấy có thể đi bộ được một đoạn đường. Vết thương của anh đã khỏi. Thị trấn Delegeete còn cách không đầy mười dặm nữa. Đêm hôm ấy, đội thám hiểm dừng chân ở ngay biên giới tỉnh Nouvell - Galles. Mọi nỗi đau khổ dần dần chấm dứt. Mười một giờ sáng hôm sau, họ tới được Delegeete một thị trấn cách vịnh Twofold - Bay năm mươi dặm.

Đến trưa, sau bữa ăn sáng các nhà thám hiểm đáp chuyến xe thư do năm con ngựa khỏe kéo từ Delegete ra vùng duyên hải. Người xà ích được hứa hẹn một món tiền thưởng lớn nên gắng sức thúc ngựa phóng như bay. Vả lại, đường cũng tốt.

Cứ thế, với tốc độ sáu dặm một giờ, các nhà thám hiểm đã đi suốt ngày đêm. Hôm sau, đúng lúc hừng đông, họ đã nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm ì báo hiệu biển gần lắm rồi. Và khi ra tới biển, mọi người đều dỗi mắt nhìn ra xa tìm Duncan. Nhưng, không thấy gì cả. Mặt biển mênh mông không gợn cánh buồm nào.

- Đi Eden! - Glenarvan ra lệnh.

Chiếc xe thư quẹo phải và lao đi trên đường dọc theo bờ vịnh, đến một thị trấn nhỏ Eden, cách đó năm dặm.

Người xà ích cho dừng xe gần cây hải đăng và chỉ đường vào cảng. Ở đấy có một số tàu đang đậu, nhưng không có một chiếc nào mang lá cờ của xứ sở Malcolm.

Mười lăm phút sau một bức điện được đánh đi cho nhân viên môi giới tàu biển ở Melbourne. Sau đó, Glenarvan ra lệnh cho người xà ích đi đến khách sạn Victoria.

Hai giờ chiều, huân tước Glenarvan nhận được bức điện trả lời với nội dung như sau:

“Kính gửi huân tước Glenarvan, L’den - Twofold - Bay, tàu Duncan đã ra khơi ngày 18 tháng này, không rõ hướng.

J. Andrew

Nhân viên môi giới tàu biển.

Bức điện tuột khỏi tay Glenarvan. Không còn mấy may nghi ngờ gì nữa! Chiếc tàu buồm của xứ Scotland hiền hòa ấy đã rơi vào tay bọn Ben Joyce và trở thành chiếc tàu cướp biển rồi.

14, TRONG TAY NHỮNG NGƯỜI MAORI

Trong tình cảnh vô cùng đau đớn như vậy, Mary Grant đã dũng cảm không nhắc đến tên cha. Cô cố kiềm chế nỗi đau trong lòng, khi nghĩ đến đoàn thủy thủ Duncan không may đã hy sinh. Bây giờ cô lại an ủi huân tước phu nhân Helena là người trước đây đã từng an ủi cô. Mary là người đầu tiên nói đến việc trở về nước Scotland. Thấy cô gái dám dũng cảm chấp nhận số phận John Mangles rất khâm phục cô.

Ngày hôm ấy, đoàn thám hiểm quyết định dứt khoát trở về nước và đi ngay đến Melbourne. Sớm hôm sau, John Mangles đã đi hỏi xem có tàu nào chạy về hướng đó không. John dự đoán giữa Eden và tỉnh ly, Victoria thường xuyên có tàu qua lại.

Nhà địa lý cũng đã ra bến cảng Twofold Bay và biết rằng ở đó không có tàu đi Melbourne và Sydney. Nhưng có một chiếc tàu buồm đậu ở cảng đang chuẩn bị đi Auckland, tỉnh ly tỉnh Ika na Maoui, thuộc đảo bắc New Zealand. Paganel đề nghị thuê chiếc tàu ấy đi Auckland, rồi từ đó sẽ dễ dàng

trở về châu Âu, vì cảng này có nhiều tuyến đường thường xuyên đi về đó.

John Mangles ủng hộ đề nghị của Paganel. Anh ta khuyên mọi người nên chấp nhận ý kiến ấy, bởi vì không biết sẽ phải chờ đợi ở Towfold Bay bao lâu nữa mới có tàu đi Anh. Anh ta thấy cần phải lên chiếc tàu buồm mà Paganel nói đến ấy. Và thế là, Glenarvan, thiếu tá Paganel, Robert và viên thuyền trưởng trẻ lên một chiếc xuồng bơi tới ngay chiếc tàu hai cột buồm đó.

Đó là chiếc tàu buồm có sức chở hai trăm năm mươi tấn mang tên Macquarie, thường chạy trên các tuyến đường giữa các cảng khác nhau của Australie và New Zealand.

Họ nhanh chóng thỏa thuận việc lấy chỗ cho chín người của đoàn thám hiểm, trong đó có hai phụ nữ.

Trưa hôm sau mọi người lên tàu. Tàu không có phòng riêng, và hành khách phải hoàn toàn tự lo liệu việc ăn uống.

Trước khi rời cảng, Glenarvan đã nghĩ đến việc tranh thủ những thì giờ còn lại để một lần nữa đi đến vùng duyên hải nằm trên vĩ tuyến 17. Ông có hai lý do để làm việc ấy. Ông muốn xem lại nơi có thể xảy ra tai nạn đắm tàu *Britania* theo lời của Ayrton đã nói. Thật là nông nổi nếu vĩnh viễn rời khỏi đất

nước này mà lại không khảo sát kỹ nơi ấy. Rồi nữa, nếu ở đây không thấy Britania thì liệu Duncan có bị bọn phạm tội cướp mất vùng biển ấy không? Rất có thể tại đây đã xảy ra một cuộc chiến đấu lẫm. Biết đâu lại không tìm thấy nơi đây dấu vết của một cuộc chiến đấu, một cuộc kháng cự cuối cùng? Nếu như đoàn thủy thủ đã hy sinh trên biển thì lẽ nào sóng biển lại không cuốn họ giạt vào bờ?

Và Glenarvan cùng John Mangles đi khảo sát. Viên chủ khách sạn Victoria dành cho họ sử dụng hai con ngựa, và họ đi về phía bắc theo con đường bao quanh vịnh Twofold - Bay.

Cuộc khảo sát thật đáng buồn. Họ không bỏ sót một eo biển nhỏ nào, bãi cát hay bãi đất bồi nào, nhưng không đâu thấy có mảnh tàu vỡ cả. Tuyệt nhiên không thấy một cái gì có thể làm cơ sở để bắt đầu những cuộc tìm kiếm mới. Dấu tích của Britania lại bị mất.

Họ cũng không thấy dấu tích của Duncan đâu. Cả vùng duyên hải phía đông Australie này vắng ngắt. Tuy vậy, John Mangles đã thấy ở gần bờ dấu vết của một lán trại nào đó, những thanh củi mới đun trong bếp. Có lẽ mấy hôm trước, một bộ lạc thổ dân nào đây mới di cư qua đây? Không, Glenarvan nghĩ ngay rằng đây chắc là tung tích của bọn tội phạm đó thôi.

Họ còn tìm thấy dưới gốc cây một chiếc

áo rách đã được vá, màu vàng xám, ở chỗ rách vẫn nhìn rõ số tù của trại cải huấn Perth. Tên tội phạm không còn ở đây, nhưng chiếc áo rách đã chứng tỏ hắn ở đây...

- Thấy không, John. Glenarvan nói - Bọn tội phạm đã đến đây rồi. Thế còn những người bạn tội nghiệp của chúng ta trên tàu Duncan thì đâu?

- Đúng, thuyền trưởng trẻ đáp, giọng trầm ngâm, rõ ràng là họ đã không lên bờ và hy sinh rồi!...

- Bọn bất nhân dè tiện! Chúng mà vào tay ta thì ta sẽ trả thù chúng để thanh toán món nợ cho đoàn thủy thủ của ta, Glenarvan kêu lên.

Nỗi đau đớn làm cho nét mặt của Glenarvan thêm khắc khổ.

Còn phải làm một thủ tục nữa là báo cho cảnh sát biết về tất cả những gì đã xảy ra... Glenarvan làm xong xuôi việc ấy, rồi trở về khách sạn Victoria. Đêm cuối cùng của các nhà thám hiểm ở Australie trôi qua một cách buồn rầu. Paganel ở trong tình trạng bị xúc động mạnh. John Mangles đã để ý theo dõi Paganel ngay từ khi xảy ra biến cố trên bờ sông Snowy. Anh cảm thấy nhà địa lý có điều gì đó nửa muốn nói, nửa lại không. Đã nhiều lần John gắng hỏi, nhưng Paganel không nói.

Buổi tối, khi tiễn nhà bác học về phòng nghỉ, John đã hỏi vì sao hôm nay ông lại lo lắng, bồn chồn đến như thế.

- John, anh bạn của tôi ơi! Nhà địa lý trả lời một cách quanh co, thần kinh của tôi vẫn bình thường mà!

- Ông Paganel, John chưa chịu thôi, có điều gì bí mật đang giày vò ông thì phải?

- Nhưng, tôi biết làm gì được với cái điều ấy? - Nhà địa lý vung tay nói, về bất lực.

- Ông đang nói về điều gì vậy?

- Về niềm vui sướng và nỗi thất vọng?

- Ông vừa vui sướng lại vừa thất vọng?

- Vâng, tôi vừa vui sướng cũng lại vừa thất vọng, khi tôi đặt chân lên đất New Zealand.

- Ông lại có những dự kiến mới nào đó phải không? John Mangles nhanh nhẩu hỏi. Ông lại lần ra được dấu tích của thuyền trưởng Grant phải không?

- Không, John ạ! Họ không trở về từ New Zealand đâu. Nhưng mà... Tóm lại, như anh đã biết, bản tính của con người ta là còn thử thì còn hy vọng.



Tàu Macquarie đi chậm chạp. Chủ tàu gần như lúc nào cũng say khướt, không mấy

khi bước ra khỏi phòng. Mọi công việc ông ta phó thác cho đoàn thủy thủ năm người của ông ta. Đến ngày thứ sáu, nghĩa là đáng lẽ đến cảng Aucklnad được ba mươi sáu giờ rồi, thế mà Macquarie vẫn lênh đênh trên mặt biển. Tối thứ sáu trời bỗng nổi cơn bão, mưa ập xuống. Tàu Macquarie bất ngờ bị mắc cạn, nghiêng hẳn về một bên. Chủ tàu Halley và cả đoàn thủy thủ năm người của hắn bí mật hạ thủy chiếc xuồng nhỏ và trốn mất tiêu.

Đoàn thám hiểm bị chơi vơi giữa biển khơi. Sau những giờ phút đầy lo âu trong đêm tối, sớm hôm sau, họ kéo lên boong tàu, nhìn về tứ phía. Sương mù tan dần. Xa xa, một ngọn núi lộ ra dưới ánh nắng sớm. Đất liền chỉ còn cách họ chưa đầy chín hải lý nữa... Nhưng làm sao vào được đó bây giờ? John Nangles chỉ huy mọi người chĩa chặt cột buồm tàu, đóng một chiếc bè kiên cố, chất vũ khí và lương thực lên, rồi bơi vào bờ. Đây là một vùng đất New - Zealand hoang vắng.

Sớm hôm sau, Paganel xác định tọa độ cần thận rồi đề nghị đoàn đi về phía bắc dọc theo bờ biển Aotea đến Auckland.

Chiều tối hôm ấy, đến một cửa rừng, họ quyết định nghỉ lại. Gần nửa đêm, tai họa bất ngờ ập đến. Tất cả các nhà thám hiểm đều bị bắt, trói chân và đưa lên thuyền.

Hóa ra hồi chiều tối, vì bị sương mù dày

đặc, nên họ đã dừng chân đúng ngay nơi trại của bộ lạc người Maori mà không biết. Qua câu chuyện của họ bằng tiếng Anh, những người bị bắt được biết quân của thổ dân Maori bị quân đội Anh đánh tan phải chạy về thượng nguồn sông Waikato. Thủ lĩnh của họ, sau khi chống cự quyết liệt với trung đoàn 42 và bị thiệt hại khá nhiều binh lính tinh nhuệ, bây giờ quay trở về chiêu mộ binh lính mới ở các bộ lạc vùng ven biển để tiếp tục hợp đồng với các đơn vị khác vẫn đang chiến đấu chống bọn xâm lược Anh. Viên thủ lĩnh có cái tên rất hung tợn là Kai Koumou, tiếng thổ dân có nghĩa là "Người ăn thịt địch thủ của mình". Binh lính Anh biết rõ cái tên ấy và viên toàn quyền Anh ở New - Zealand mới đây đã treo giải bằng tiền cho ai lấy được đầu của ông ta

Đòn khủng khiếp ấy đã giáng xuống đầu của Glenarvan đúng ngay lúc ông chỉ còn cách Auckland không bao xa nữa, từ đây có thể trở về châu Âu một cách dễ dàng.

Nhưng nhìn vẻ mặt bình tĩnh, lạnh lùng của ông, không ai đoán nổi ông đang bị bao nỗi khổ giày vò. Glenarvan cố giữ vững tinh thần để làm gương cho vợ và những người cùng đi, và sẵn sàng nếu cần thì hy sinh trước tiên để cứu mọi người.

Những người bạn đồng hành của Glenarvan tỏ ra rất xứng đáng. Họ nhất trí

với nhau phải cư xử đàng hoàng để buộc quân lính Maori không thể đối xử thô bạo với họ.

Glenarvan đánh bạo hỏi viên thủ lĩnh New - Zealand bằng tiếng Anh:

- Ông đưa chúng tôi đi đâu, thưa thủ lĩnh?

Kai Koumou lạnh nhạt nhìn Glenarvan không nói gì.

- Ngài định làm gì chúng tôi? - Glenarvan hỏi lại.

Thủ lĩnh Kai Koumou trợn mắt lên, đáp với vẻ quan trọng:

- Đánh đổi, nếu người của bọn mi ưng nhận mi. Giết, nếu bọn chúng không nhận.

Con thuyền vẫn lướt nhanh về phía thượng nguồn.

Kai Koumou ra lệnh cho những người bị bắt lên bờ. Máy người đàn ông bị trói tay, còn phụ nữ thì tự do. Tất cả họ bị nhốt ở giữa trại, chung quanh đốt lửa làm thành một hàng rào không sao thoát được.

Trước khi Kai Koumou nói cho những người bị bắt biết được ý định trao đổi tù binh của hắn, Glenarvan và John Mangles đã bàn cách chạy trốn. Trong lúc thuyền đang bơi trên sông, việc đó không thể làm được, nhưng họ hy vọng khi lên bờ nghỉ lại, trời tối sẽ dễ trốn hơn.

Nhưng sau khi nghe Glenarvan nói chuyện với viên thủ lĩnh New - Zealand, họ quyết định tốt hơn cả là từ bỏ mọi ý đồ ấy. Cần phải chuẩn bị tinh thần chịu đựng. Như thế sẽ tốt hơn.

Mấy ngày sau đó, các nhà thám hiểm bị bắt, bị chở thuyền ngược dòng đưa đến bản doanh của quân Maori bên bờ hồ Taupo, viên thủ lĩnh ra lệnh cởi trói cho từng người một và đưa họ vào giam trong một căn nhà rộng bốn bề kín mít.

Ở đây họ tạm thời được an toàn, không bị những thổ dân phản nộ, nguyên rủa, đòi giết vì tưởng lầm họ là những người Anh xâm lược đã sát hại chồng con của họ ngoài mặt trận.

Những tên lính vừa khóa cửa trại giam đi khỏi, Robert liền trèo lên vai Wilson, thò đầu vào khe hở giữa mái và tường nhà, nhìn ra ngoài, quan sát chung quanh.

- Họ đang tụ tập quanh thủ lĩnh, - chú bé thì thào - Kai Koumou định nói gì đó...

Robert im lặng mấy phút, rồi nói tiếp:

- Kai Koumou đang nói gì đó... các thổ dân im lặng nghe ông ta.

- Có lẽ, viên thủ lĩnh không phải vô cớ mà tha chết cho chúng ta đâu, - thiếu tá nhận xét. - Hắn muốn đổi chúng ta lấy những thủ

lính của bộ lạc đã bị bắt, nhưng liệu quân lính có đồng ý trao đổi không?

- Đúng rồi! - Chú bé lại nói xuống. - Họ tuân lệnh và giải tán. Người thì đi vào các lán, người thì đi vào chòi canh.

- Đúng không? - Thiếu tá hỏi.

- Đúng mà, ông Mac Nabbs, - Robert đáp. - Chỉ còn mấy người lính cùng đi trên thuyền ở lại với ông ta thôi... A, có một người đi đến chỗ ta...

- Xuống mau, Robert! - Glenarvan nói.

Đúng lúc ấy huân tước phu nhân Helena ngồi chồm dậy nắm tay chồng.

- Edward, - Helena nói bằng giọng cứng rắn, - chừng nào còn sống thì cả em lẫn Mary đều không thể để sa vào tay bọn người ấy!

Vừa nói, - Helena vừa đưa cho Glenarvan khẩu súng lục đã lên đạn. Glenarvan mắt sáng ngời.

- Súng! - Ông ta kêu lên.

- Vâng! - Bọn Maori không dám khám xét phụ nữ. Nhưng anh Edward, khẩu súng này không phải để họ mà để cho chúng ta.

- Hãy giấu súng đi, chú Glenarvan, - Mac Nabbs vội vàng nói. - Chưa đến lúc cần đến.

Khẩu súng lục được lặn vào quần áo của Glenarvan.

Chiếc chiếu treo chắn cửa ra vào được vén lên. Một người thổ dân bước vào. Anh ta làm hiệu cho những người bị bắt đi theo anh ta. Glenarvan cùng những người bạn của mình đi sát bên nhau, qua một cái sân đến cạnh KaiKoumou.

Mấy người lính bộ lạc đứng quanh thủ lĩnh của họ. Kai Koumou bắt đầu hỏi Glenarvan:

- Mày là người Anh?

- Phải, - Glenarvan trả lời không chút do dự, biết rằng câu trả lời ấy có thể làm cho việc trao đổi dễ dàng hơn.

- Còn các bạn của mày?

- Các bạn tôi cũng là người Anh như tôi... Chúng tôi là những người đi du lịch, tàu bị tai nạn. Ông nên biết chúng tôi không ai tham chiến cả..

- Bất kỳ người Anh nào cũng có thể là kẻ thù của chúng tao! - Một tên khác ngồi kế bên Kai Koumou là KaraTété nói cắt ngang.

- Hãy nghe đây! - Kai Koumou nói tiếp, - Tohonga, tư tế tối cao của thần Noui Atoua của ta, đã bị quân bay bắt làm tù binh. Thần ban lệnh cho ta phải chuộc Tohonga. Ta muốn móc tim mày ra, muốn lấy đầu mày và lũ bọn bây cắm cọc rào... Nhưng thần Noui Atoua đã rủ lòng thương!

Kai Koumou run lên vì giận dữ, mặt ông ta bùng bùng phẫn nộ. Rồi ông ta lại nói tiếp:

- Màỵ nghĩ sao, liệu người Anh có đồng ý đổi màỵ, trả Tohonga cho chúng tao không?

- Không. - Glenarvan đáp, - ở nước tôi, tôi không phải là thủ lĩnh, cũng không phải là tư tế.

Paganel ngạc nhiên trước câu trả lời ấy, sững sốt nhìn Glenarvan. Kai Koumou dường như cũng ngạc nhiên:

- Nghĩa là, màỵ còn hoài nghi?

- Tôi không biết.

- Vậy các bạn của màỵ cũng không đồng ý đổi màỵ lấy Tohonga của chúng tao?

- Đối mình tôi thì không, nhưng đối tất cả thì đồng ý.

- Người Maori của chúng tao chỉ có luật là đổi một lấy một thôi.

- Thế thì tốt hơn cả, ông hãy đề nghị trao đổi tư tế của ông lấy hai người phụ nữ này, - Glenarvan chỉ Helena và Mary.

- Hai người phụ nữ này, - Glenarvan nói tiếp, kính cẩn cúi đầu trước Helena và Mary, - đều giữ những địa vị cao trong nước tôi.

Huân tước không đánh lừa được Kai Moumou. - Màỵ tưởng Kai Koumou không biết hiểu lòng người sao? - Viên thủ lĩnh chỉ vào Helena nói: - Đây là vợ của màỵ?

- Không, đây là vợ của ta! - Kara Tété kêu lên và gạt những người bị bắt khác ra, đặt tay lên vai Helena.

Sự đụng chạm ấy làm cho Helena tái mét người đi và khiếp sợ kêu lên:

- Anh Edward!...

Glenarvan lặng lẽ duỗi thẳng tay ra. Một phát súng vang lên. Kara Tété bỏ nhào xuống đất chết.

Nghe tiếng nổ, thổ dân trong các lều ào ra. Đám đông đứng chật ních cả bãi đất. Hàng trăm cánh tay giơ lên đe dọa những tù binh khốn khổ. Glenarvan bị tước mất súng lục. Kai Koumou ném về phía ông một cái nhìn lạ lùng, rồi một tay che xác chết, tay kia ông ta giơ lên ngăn đám đông đang định xông vào "bọn người Âu đáng nguyên rủa".

Sau khi đã dẹp được đám đông, ông ta nói to lên:

- Tabou! Tabou!

Nghe tiếng ấy đám đông thổ dân đứng lặng đi trước Glenarvan và những người cùng đi với ông, dường như có một sức mạnh siêu nhân nào đó đã ngăn họ lại.

Mấy phút sau, các tù binh được dẫn vào thánh đường dùng làm nơi giam họ. Nhưng cả Robert và Paganel đều không thấy đâu cả.

15. NHỮNG GIỜ CUỐI CÙNG

Glenarvan và những người cùng đi trải qua một đêm khủng khiếp biết bao. Robert tội nghiệp và Paganel dưng cảm thê là mất tích. Hẳn là họ trở thành những người đầu tiên hy sinh trong tay những người thổ dân ưa báo thù này rồi. Mọi hy vọng cũng đã tiêu tan nơi Mac Nabbs, một người không dễ gì chịu buồn nản. Còn John Mangles, nhìn cảnh Mary đau khổ, u sầu vì mất đứa em trai, cảm thấy mình như sắp điên lên. Glenarvan nghĩ đến lời yêu cầu thê thảm của Helena muốn được tự tay chôn giết mình để khỏi bị nhục hình nô lệ. Liệu ông có đủ lòng can đảm đáng sợ để làm việc ấy không?

“Còn Mary, mình có quyền được giết nàng theo yêu cầu của nàng?” - John Mangles nghĩ, trong lòng vô cùng đau đớn.

Việc chạy trốn chắc không thể được rồi. Mười tên lính vũ trang đến tận răng đang đứng gác trước thánh đường.

Đã sang ngày 12 tháng hai. Các thổ dân không đến gần những người tù Tabou nữa. Trong thánh đường có vài thức ăn gì đó, nhưng những người bất hạnh chỉ động đến

qua loa. Nỗi đau thương đã át cả cái đói. Một ngày trôi qua, không đem lại sự thay đổi hay niềm hy vọng nào. Chắc là việc chôn cất tên thủ lĩnh bị giết và việc xử tử người đã giết hắn sẽ diễn ra cùng một lúc.

Glenarvan tin chắc rằng Kai Koumou đã bỏ ý định trao đổi với những người tù. Mac Nabbs thì vẫn còn hy vọng mong manh về điều ấy.

- Biết thế nào được, ông ta nói với Glenarvan biết đâu trong tim đen Kai Koumou lại không cho rằng chúng ta đã giúp hắn.

Nhưng dù Mac Nabbs nghĩ thế nào thì Glenarvan vẫn không muốn tin vào điều gì nữa. Thêm một ngày lại trôi qua, mà không thấy có sự chuẩn bị gì cho việc xử tử cả. Sang ngày thứ ba, cánh cửa phòng giam đã mở. Mấy trăm thổ dân, đàn ông, đàn bà, trẻ con tất cả tụ tập ngoài sân trại. Họ bình tĩnh và im lặng.

Kai Koumou ra khỏi nhà và bước lên một nền đất cao dấp chính giữa sân. Đám thổ dân đứng thành hình bán nguyệt lui về phía sau một chút. Tất cả im phăng phắc.

Kai Koumou ra hiệu và một người lính đi vào trại giam.

- Anh nhớ nhé! - Huân tước phu nhân Helena nói với chồng.

Glenarvan lặng lẽ ôm ghì vợ vào tim mình. Lúc ấy Mary Grant cũng đến bên John Mangles và nói:

- Huân tước và huân tước phu nhân đồng ý với nhau là nếu chồng có thể giết vợ mình để tránh chó sự nhục nhã, thì chồng chưa cưới cũng có quyền giết vợ chưa cưới. John trong giờ phút cuối cùng này, lẽ nào em lại không dám nói rằng từ lâu, tận đáy lòng mình anh đã coi em là vợ chưa cưới của anh: Anh John yêu quý, liệu em có thể hy vọng vào anh như huân tước phu nhân hy vọng vào Glenarvan không?

- Mary! Chàng thuyền trưởng trẻ bói rồi kêu lên, Mary, Mary thân yêu!

Các người tù được dẫn đến chỗ Kai Koumou. Hai người phụ nữ sẵn sàng chấp nhận cái chết. Những người đàn ông được che dấu nỗi khổ tâm dưới cái vẻ bề ngoài bình tĩnh, nói lên sức mạnh siêu phàm của ý chí con người.

Những người tù đối diện trước thủ lĩnh New - Zealand. Bản án rất ngắn gọn:

- Mà đã giết Kara Tété? - Viên thủ lĩnh hỏi Glenarvan.

- Phải. - Glenarvan đáp.

- Sớm mai mà sẽ bị chết.

- Một mình tôi?

- Ô, nếu như mạng sống của Tohonga không quý hơn mạng sống của đồng bọn mày!
 - Kai Koumou nói với vẻ thương tiếc tàn bạo.

Vừa lúc ấy có một người lính rẽ đám đông bước ra. Kai Koumou nói ngay với anh ta bằng tiếng Anh cốt để cho các tù binh cũng nghe câu chuyện.

- Mày ở trại của bọn Anh mới về?

- Vâng. - Người lính đáp.

- Mày có gặp tù binh Tohonga của ta?

- Vâng.

- Ông ấy còn sống?

- Ông ấy chết rồi. Người Anh đã bắn ông.

Thế là số phận của Glenarvan và những người cùng đi đã được quyết định.

- Sáng mai, tất cả bọn bây đều sẽ phải chết! - Kai Koumou kêu lên.

Vậy là một sự trừng phạt giống nhau đang đợi những người bất hạnh. Huân tước phu nhân Helena và Mary Grant nhìn lên trời cầu nguyện... Họ được đưa vào nhà giam khi mặt trời lặn sau những sườn núi bên kia hồ Taupo và sẽ ra khỏi đây lúc sớm mai, khi những tia nắng đầu tiên nhuộm vàng những đỉnh núi ấy.

Đây là đêm cuối cùng của họ trước khi chết. Mặc dù kiệt sức, mặc dù trải qua những

giờ phút khủng khiếp họ vẫn cùng ngồi ăn tối với nhau...

- Chúng ta cần có sức để dũng cảm nhìn vào cái chết, Glenarvan nói. Cần phải chứng tỏ cho những người dã man này thấy, chúng ta biết chết như thế nào?

Ăn xong, Helena đọc kinh tối. Những người khác cũng làm theo.

Rồi Grant Mary và Helena nằm sát bên nhau trên một chiếc chiếu trong góc nhà giam. Họ cố quên đau khổ nhắm mắt lại...

Glenarvan kéo những người cùng đi sang một phía nói:

- Các bạn thân mến, nếu ngày mai phải chết, thì chúng ta sẽ chết như những người dũng cảm, có trời chúng giám cho chúng ta. Chúng ta những mong hướng đến mục đích cao thượng. Dù sao tôi cũng không than tiếc gì. Nhưng nếu chỉ có chúng ta thôi, thì tôi có thể hô các bạn "hãy xông vào bọn bất nhân này, rồi tìm cách chạy trốn đi!" Nhưng còn vợ tôi, còn Mary...

John Mangles khê vén chiếc chiếu lên và bắt đầu đếm số lính gác ngoài cửa. Chúng có hai mươi lăm tên. Đứa nằm, đứa ngồi quanh đống lửa. Nhưng đứa nào cũng chăm chăm nhìn về phía trại giam mà chúng được giao canh giữ.

Nhà giam ấy sát núi và chỉ có một lối vào thông với con đường nhỏ đi ra sân doanh trại. Hai tường bên của nhà giam đều quay về sườn dốc đứng, dưới đó là vực sâu hàng trăm mét, không thể xuống được. Cũng không thể nghĩ đến việc chạy trốn ở phía tường sau, bởi vì bức tường này tựa lưng vào một vách đá rất lớn. Lối thoát duy nhất là cửa ra vào trại, nhưng bọn lính lại đã canh gác chặn đường. Thế là không thể chạy trốn được. Glenarvan, sau khi nghiên cứu những bức tường của trại giam có đến hai mươi lần, buộc phải thừa nhận như vậy.

Trong khi đó, cái đêm đầy đau đớn, giày vò cứ từng giờ, từng giờ trôi qua.

Khoảng gần bốn giờ sáng, bỗng có tiếng sột soạt nào đó từ chân tường sau, kề sát vách đá, vắng đến, khiến thiếu tá chú ý.

Thoạt đầu, Mac Nabbs không quan tâm đến tiếng động ấy. Nhưng tiếng động vẫn không dứt. Thiếu tá bắt đầu lắng nghe, rồi thấy lạ, ông áp tai xuống đất để nghe rõ hơn. Ông thấy dường như có ai đang đục tường đào đất.

Khi Mac Nabbs tin chắc không bị đánh lừa, ông khẽ bước đến chỗ Glenarvan và John Mangles, kéo họ ra khỏi những suy nghĩ đau khổ, dẫn cả hai người đi sâu vào phía trong nhà giam.

- Hãy lắng nghe coi! - Thiếu tá nói thầm, làm hiệu bảo họ cúi xuống.

Tiếng động nghe mỗi lúc một rõ hơn.

- Một con thú đang đào hang, - John Mangles nói.

Glenarvan đột nhiên vỗ vào trán mình:

- Biết đâu đấy! - Ông nói, - lẽ đó là người thì sao?

- Bây giờ ta sẽ thấy rõ là người hay là thú, - thiếu tá nói.

Wilson và Oblinett cũng đã đến chỗ họ và cả bốn người cùng đào dưới chân tường. John Mangles dùng dao găm (anh đã nhanh trí lấy được của tên Kara Tété khi hắn bỏ nhào xuống đất), còn những người khác thì dùng đá cạy dưới đất lên hoặc dùng tay không. Mulrady nằm dài trên nền nhà, vén chiếu quan sát đám lính thổ dân.

Chúng ngồi bất động bên đống lửa và không hay biết việc xảy ra cách chúng hai mươi bước.

Chỗ những người tù đang đào là đá túp, có lớp đất xốp phủ trên. Nhờ vậy, mặc dù không có đủ dụng cụ họ vẫn nhanh chóng đào được một cái hố khá sâu. Chẳng bao lâu, đã bắt đầu biết rõ, có một hoặc mấy người nào đó đang đào ngạch từ phía bên ngoài vào nhà giam.

Những người tù cố gắng đào gấp đôi

trước. Mặc dù các ngón tay bị bật máu, nhưng họ vẫn cứ đào và đào, tiếng động từ phía ngoài dội đến mỗi lúc một rõ hơn, có lẽ những người đào chỉ còn cách nhau một lớp mỏng. Máy phút nữa trôi qua, bỗng tay của thiếu tá đụng phải một lưỡi nhọn nào đấy và bị thương. Ông giật tay lại, cố giữ để khỏi bật ra tiếng kêu. John Mangles dùng dao găm của mình hất sang bên cạnh một mũi dao khác vừa thò từ dưới đất lên và nắm ngay lấy bàn tay cầm dao ấy. Đó là tay của phụ nữ hay trẻ con không biết, nhưng chắc chắn là tay của một người Âu.

Cả bên trong và bên ngoài không ai nói một lời, rõ ràng cả hai bên đều tránh tiếng động.

- Có phải Robert đấy không? - Glenarvan nói thẳm.

Mặc dù Glenarvan nhắc đến cái tên ấy rất khẽ, nhưng Mary Grant vừa bị tiếng động trong nhà giam thức tỉnh và lên ngay đến chỗ ông, nắm lấy bàn tay dính đầy đất kia hôn lấy hôn để.

- Em! - Cô gái thì thào (bởi vì cô không thể nhảm lẫn được). - Em Robert của chị!

- Vâng, chị ơi, em đây! - Tiếng Robert nói. - Em đến cứu mọi người đây nhưng phải im lặng!

- Thật là một chú bé dũng cảm!... -
Glenarvan nhắc lại.

- Hãy coi chừng bọn lính ở cửa, - tiếng chú bé vọng vào, và đào ngạch rộng thêm ra.

Mulrady, sau giây phút xao lãng vì chuyện Robert trở về, đã trở lại ngay vị trí quan sát của mình.

- Mọi việc ổn cả, - anh ta nói, - chỉ có bốn đứa thức còn lại ngủ hết trơn.

- Hãy dũng cảm lên! - Wilson nói.

Chỉ trong một phút, lỗ đào đã được mở rộng và Robert lần lượt sa vào lòng ôm chị, rồi của huân tước phu nhân Helena. Chú bé cuốn quanh thắt lưng một sợi dây gai dài.

- Cháu bé, cháu bé của cô, - huân tước phu nhân thầm thì, thế là cháu đã không bị người dã man sát hại.

- Không, cháu không biết thế nào, nhưng trong lúc mọi người náo động, cháu chuồn ngay. Cháu thoát ra khỏi khu vực trại và trốn hai ngày trong bụi cây, đêm mới mò ra. Cháu muốn tìm cách cứu thoát cả đoàn. Trong lúc thổ dân bộ lạc lo liệu chôn cất tên thủ lĩnh bị giết, cháu quan sát khu trại, nơi mọi người bị giam, và thấy cháu có thể đến đó được. Cháu vớ được ở căn nhà vắng một con dao và một sợi dây này, rồi trèo lườn lách qua các bụi cây, dám cố để đến đây. May sao, tảng đá

làm nền xây nhà này có một cái hang, từ đó cháu chỉ việc đào thêm hai chục phân đất xộp nữa thôi. Thế là cháu gặp được tất cả!

Hai chục cái hôn thâm lặng đáp lại lời của Robert.

- Ta đi thôi! - Chú bé giọng kiên quyết.

- Còn Paganel ở đó à? - Glenarvan hỏi.

- Ông Paganel? - Robert ngạc nhiên hỏi.

- Ừ. Ông ấy đang đợi chúng ta chứ?

- Không đâu, thưa huân tước, chẳng lẽ ông Paganel lại không có ở đây sao?

- Ông ấy không có ở đây, Robert ạ, - Mary Grant trả lời.

- Cháu không thấy ông ấy à? - Glenarvan hỏi. Vậy không phải hai người cùng chạy với nhau sao?

- Không, thưa huân tước, - chú bé đáp, buồn rầu trước cái tin mất tích Paganel.

- Ta đi thôi! - Thiếu tá nói. - Không nên để mất một giây nào hết. Dù Paganel ở đâu thì ông ấy cũng không lâm vào tình trạng tội tệ như chúng ta ở đây. Ta đi nào!

Cuộc chạy trốn bắt đầu. Mọi người hành động hết sức thận trọng. Người nọ tiếp theo người kia, những người tù đã chui qua cái ngạch hẹp thông ra hang núi. John Mangles, trước khi rời thánh đường, đã xóa tất cả

những dấu vết đào, rồi sau đó, lấy chiếc chiếu che kín ngạch ra. Bây giờ thì đường hào hoàn toàn không thể phát hiện được.

Tiếp đến, phải leo từ trên vách núi dựng đứng xuống. Muốn leo núi phải có sợi dây của Robert mang theo. Sợi dây được gỡ ra, một đầu được buộc vào mỏm đá, còn đầu kia thả xuống dưới.

- Sợi dây này chịu được không quá hai người, - John nói, - vì vậy chúng ta sẽ làm như sau, để huân tước và huân tước phu nhân xuống trước. Khi xuống đến chân núi, huân tước giật sợi dây ba lần báo hiệu những người khác có thể xuống tiếp.

- Nhưng trước hết, cháu xuống đã, - Robert tuyên bố. - Cháu tìm được ở dưới đó một cái hòm làm chỗ trú cho những người xuống trước.

- Cháu xuống đi, bé cưng của ta! - Glenarvan nói, siết tay Robert.

Chú bé tụt xuống. Một phút sau, có tín hiệu ba lần giật dây cho biết chú đã xuống an toàn. Huân tước và huân tước phu nhân lập tức ra khỏi hang. Trời còn tối mù, nhưng những đỉnh núi nhô lên ở phía đông đã bắt đầu hiện lên màu xám.

Cái lạnh đột ngột buổi sớm mai làm cho người thiếu phụ sáng khoái hơn. Đầu tiên là

Glenarvan, kể đến là huân tước phu nhân, leo từ trên mỏm đá xuống sườn núi. Từ đây, Glenarvan dìu vợ đi xuống mé dưới. Ông rời những bụi cỏ, lùm cây, thử thấy chắc chắn mới cho Helena đặt chân lên. Vài chú chim nào đó hoảng hốt bay vụt lên. Những người chạy trốn rừng mình mỗi khi có hòn đá dưới chân lăn ầm xuống tận chân núi.

Hai người đã tới lưng chừng sườn núi, bỗng từ trên hang có tiếng John Mangles khê nói xuống:

- Dừng lại đã!

Glenarvan một tay bám vào bụi cây, tay kia dìu vợ đứng lặng tại chỗ.

Wilson báo hiệu cho John biết có một tên lính đã nghe tiếng động lạ và đứng dậy, đi vào nhà giam. Đứng cách nhà giam hai bước, hắn cúi đầu lắng nghe. Hắn đứng như vậy chừng một phút mà Wilson cảm thấy như hàng giờ. Sau đó, hắn hát đầu lên như hiểu ra mình đã lầm và trở lại chỗ cũ với đồng bọn bên đồng lửa.

- Thế là ổn rồi! - Wilson báo cho John biết.

John ra hiệu cho Glenarvan trèo xuống tiếp. Glenarvan di động một cách thận trọng và chẳng bao lâu ông và Helena đã xuống đến con đường hẹp có Robert chờ sẵn ở đó.

Sợi dây lại giật ba lần và sau đó đến lượt John Mangles và Mary Grant đi vào con đường nguy hiểm. Họ cũng đã xuống đến mặt đất một cách nhẹ nhàng và gặp vợ chồng huân tước mà Robert đã chỉ.

Sau chừng năm phút, tất cả những người chạy trốn may mắn thoát khỏi thánh đường và rời khỏi nơi trú ẩn tạm thời trong hốc đá. Họ đi thật nhanh theo con đường mòn dẫn sâu vào núi, những mong tránh xa nơi người ở để không ai nhìn thấy họ. Họ im lặng lướt đi giữa các bụi cây như những cái bóng.

Bởi vậy, những người chạy trốn cố đi thật xa để bọn lính dã man không đuổi theo kịp. Nhưng đường dốc, họ đi khá chậm chạp. Glenarvan không phải dắt ngựa, mà đúng hơn là công vợ. Mary Grant thì vịn vào tay John Mangles mà đi, đi dẫn đầu đoàn. Hai chàng thủy thủ đi khóa đuôi. Chỉ nửa giờ nữa, từ sau phía chân trời mù sương kia, mặt trời sẽ mọc, thế mà những người chạy trốn cứ phải đi hú họa, bởi vì họ không còn có Paganel dẫn đường nữa. Điều này làm cho họ lo âu như một bóng đen đè lên hạnh phúc của họ. Tuy nhiên, họ vẫn cố gắng đi về phía đông, đón ánh bình minh kỳ diệu vừa ló rạng. Chẳng bao lâu, họ đã ở trên độ cao cách mặt hồ Taupo 150 mét.

Bỗng có tiếng gầm rú khủng khiếp vang lên

- lẩn trong đó là tiếng la hét của hàng trăm cái họng. Tiếng gầm rú từ khu trại dẫn đến, nhưng đích xác từ chỗ nào thì Glenarvan không hình dung được. Sương mù dày đặc vẫn còn bao phủ những thung lũng trải dài bên dưới.

Những người chạy trốn hiểu rằng việc biến mất của họ đã bị phát hiện.



Những tiếng hô hoán nghe mỗi lúc một gần, và những người chạy trốn cố sức rảo bước. Số lính đuổi theo đã chạy gần đến chân núi.

- Dừng cảm lên! Cố gắng lên các bạn! - Glenarvan động viên và tự mình làm gương.

Không đầy năm phút những người chạy trốn đã lên đến đỉnh núi. Từ đây, họ nhìn chung quanh, phân tích tình hình và lựa đường đi để đánh lạc hướng bọn Maori.

Glenarvan hiểu rằng không thể nấn ná thêm giây phút nào nữa. Dù mệt đến đâu họ cũng phải chạy để khỏi phải sa vào tay những kẻ đang truy đuổi.

- Ta đi xuống núi mau! - Ông hét lên. - Nhanh nhanh, kéo chúng cắt đường mất.

Nhưng khi hai người phụ nữ kiệt sức, cố lấy hết sức bình sinh để đứng dậy thì Mac Nabbs đã ngăn họ lại.

- Làm vậy là thừa, Glenarvan. - Ông ta nói. - Hãy nhìn kia!

Quả thật, trong cách phản ứng của người Maori đã có sự thay đổi khó hiểu. Cuộc tấn công lên núi bỗng nhiên chững lại như làn sóng biển bị núi đá ngăn cản.

Có chuyện gì xảy ra thế? Có sức mạnh vô hình nào kìm các chân thổ dân? Những người chạy trốn thấy vậy mà không hiểu gì cả.

Bỗng John Mangles bật kêu lên. Những người cùng đi nhìn anh ta. Anh ta chỉ cho họ nhìn lên một pháo đài nhỏ nhô cao trên núi.

- Đó là mộ của thủ lĩnh Kara Tété đấy mà! - Robert nói.

- Cháu chắc vậy hả Robert? - Glenarvan hỏi.

- Vâng, thưa huân tước, đúng đó, cháu biết mà...

Glenarvan, thiếu tá, John Mangles, Robert vào bên trong. Họ thấy trong đó có một tên Maori mặc chiếc áo tơi dài bị bóng hàng rào che khuất nên không nhìn rõ mặt hắn ta. Hình như hắn tỏ ra rất bình tĩnh và đang ăn sáng với vẻ ung dung lắm.

Glenarvan đã định bắt chuyện thì tên thổ dân đã lịch thiệp nói trước bằng một giọng tiếng Anh rất chuẩn:

- Xin mời ngồi, thưa huân tước thân mến! Bữa điểm tâm đang đợi ngài đây!

- Paganel!

Nghe giọng nói của ông, mọi người lao vào khu mộ và bắt đầu ôm nhà địa lý vô cùng quý giá. Paganel tài trí thật! Đây chính là sự bảo đảm cứu nguy cho mọi người! Ai cũng muốn hỏi, muốn biết ông ta làm thế nào và tại sao lại lên được đỉnh núi này. Glenarvan đã cắt ngang sự tò mò không đúng lúc ấy bằng một lời ngắn gọn:

- Bọn dã man?

- Bọn dã man! - Paganel nhún vai nhắc lại. - Đó là bọn mà tôi hoàn toàn coi khinh.

- Nhưng chẳng lẽ họ lại không thể. - Huân tước thắc mắc.

- Bởi vì rằng thủ lĩnh của họ chôn ở đây, núi này đã yếm bùa "Tabou"!

- Bùa "Tabou"?

- Đúng, các bạn của tôi ạ! Chính vì thế mà tôi đã lên đây như vào một nơi cư ngụ của những người trung cổ.

- Có trời phù hộ cho ông đó! - Huân tước phu nhân thốt lên khoác tay chỉ lên trời.

- Thật vậy, uy lực thiêng liêng của bùa "Tabou" làm cho những kẻ mê tín dị đoan không dám bén mảng lên đây.

- Còn bây giờ, các bạn tôi, - Paganel nói, - nếu bọn chúng định thi gan với chúng ta thì chúng nhâm to. Không đầy hai ngày nữa chúng ta sẽ thoát khỏi nơi đây.

- Chúng ta sẽ thoát khỏi nơi đây! -
Glenarvan nhắc lại. - Nhưng bằng cách nào?

- Hiện tôi chưa biết đi như thế nào,
nhưng chúng ta phải đi thôi.

Đến đây mọi người đề nghị nhà địa lý kể
cuộc phiêu lưu của mình.

Khi mọi người đã ngồi quanh hàng rào
khu mộ, Paganel đã kể như sau:

- Lúc Kara Tété bị giết, ông cũng như
Robert đã lợi dụng cảnh lộn xộn trốn thoát.
Thật không may ông bị sa vào làng Maori
khác. Ba ngày ròng rã ông bị buộc làm tù
binh. Chúng chưa kịp xử tử ông.

May sao, đêm hôm ấy, Paganel đã khôn
khéo cắn đứt được sợi dây trời và trốn thoát.
Từ xa ông đã nhìn thấy đám tang của Kara
Tété như thế nào. Bây giờ ông đã biết trên
núi Maunganamu có chôn cất viên thủ lĩnh,
do đó núi đã bị yểm bùa "Tabou". Paganel
không muốn phải xa rời những người bạn đã
bị bắt làm tù binh, nên đã quyết định ẩn náu
tại núi. Ông đã thực hiện được ý đồ táo bạo
của mình. Đêm qua, ông đã lên được khu mộ
của Kara Tété.

Tình cảnh của những người chạy trốn
đang còn gay go lắm. Thật vậy, tuy thổ dân
Maori không lên núi, nhưng họ trừ tính cái
đói và cái khát sẽ buộc những người tù binh

trở lại tay họ. Vấn đề chỉ là thời gian, mà dân này thì đủ kiên nhẫn chờ đợi lâu dài.

Glenarvan không gây cho mình những ảo tưởng, nhưng ông quyết định đợi dịp thuận tiện, mà nếu cần thì tạo ra việc ấy. Trước hết, ông xem xét tỉ mỉ núi Maunganamu để tìm cách thoát khỏi đây. Bởi vậy, Glenarvan, thiếu tá và John Mangles, Robert và Paganel đã tìm hiểu kỹ lưỡng hướng đi và độ dốc của từng lối mòn. Đỉnh núi dài một dặm nối liền với dãy núi Wahiti chạy thấp dần xuống đồng bằng. Đỉnh núi này hẹp và ngoằn ngoèo, là lối duy nhất có thể chạy thoát về ban đêm.

Nhưng con đường ấy không phải ít nguy hiểm. Ở phía dưới, đỉnh núi nằm trong tầm súng của lính gác thổ dân, khó ai vượt nổi.

Khi Glenarvan và các bạn của ông đánh liều bước vào đoạn đường nguy hiểm này, lập tức họ bị lính Maori bắn "chào" như mưa. Nhưng không có viên đạn nào bắn tới cả.

Họ quay lại tiếp tục theo các lối mòn lên đỉnh núi, đến mộ của viên thủ lĩnh.

- Anh Edward thân yêu, - Helena nói với chồng khi ông trở về. Các anh đã thăm dò được gì rồi? Chúng ta có thể hy vọng được không hay đáng lo ngại?

- Có nhiều hy vọng, Helena thân yêu ạ, Glenarvan đáp. Bọn Maori không dám lên

sườn núi và như vậy là chúng ta có thời gian để tìm cách chạy...

- Nào bây giờ chúng ta đi vào khu mộ! - Paganel vui vẻ nói. - Đây là pháo đài, đây là nhà ăn, là nơi làm việc của chúng ta. Ở đây không ai quấy rầy chúng ta cả. Thưa quý bà, quý cô, cho phép tôi được tiếp đãi nồng hậu quý bà, quý cô, tại nơi tuyệt diệu này.

Huân tước phu nhân, Mary và những người cùng đi tin chắc rằng sự mê tín của thổ dân Maori còn vượt quá sự tàn bạo của họ, nên cứ thân nhiên đi vào khu mộ.

Trên mộ còn để cả súng và riều, đầy đủ đạn và thuốc súng sẵn cho cả "một đời người" nơi chín suối.



Đêm tối đã phù hộ cho những người chạy trốn. Họ lợi dụng ban đêm để thoát khỏi bờ hồ Taupo. Paganel dẫn họ đi theo những lối mòn hiện lên lơ mờ trong đêm.

Cứ thế mà họ thoát khỏi khu mộ và mãi miết đi cho tới sáng. Nghỉ ngơi đôi chút rồi họ lại nhắm hướng đông tiến tới. Mãi ngày 23 tháng hai, những người thám hiểm mới đi tới cách núi Maunganamu được năm mươi dặm và đến chân ngọn núi không tên. Chung quanh núi trải rộng những cánh đồng và xa tận chân trời, lại thấy xuất hiện những cánh

rừng lớn. Chiều tối ngày 1 tháng ba, đoàn thám hiểm ra khỏi khu rừng lớn, hạ trại dưới chân núi Ikirangi cao chừng một ngàn sáu trăm bảy mươi mét.

Từ núi Maunganamu đến đây, chặng đường đã đi được khoảng một trăm dặm, tới vùng duyên hải còn chừng ba mươi dặm nữa. Khi John Mangles hy vọng kết thúc chặng đường này, chàng vẫn chưa hy vọng nổi đường đi khó khăn đến mức nào.

Hóa ra những chặng đường đi vòng, những chướng ngại khác nhau và việc xác định sai tọa độ đã kéo dài cuộc hành trình thêm một phần đường nữa. Và các nhà thám hiểm đã đến được núi Ikirangi trong trạng thái hoàn toàn kiệt sức.

Muốn ra tới vùng duyên hải còn phải vượt hai ngày đường căng thẳng. Hai ngày liền họ vừa đi vừa phải chặt, phá những cây leo chằng chịt với nhau để mở lối. Đó là thứ cây mà Paganel thích thú xếp vào loại thực động vật Zoofyte.

Trên những cánh đồng này không thể săn bắn được gì. Lương thực, thực phẩm đã cạn mà không có gì bổ sung thêm. Nước đã hết. Họ càng ngày càng mệt lại càng khát. Họ đã trải qua những sự giày vò khủng khiếp và lần đầu họ thấy gần như “lực bất tòng tâm”.

Cuối cùng không bước được nữa, các nhà thám hiểm chỉ còn biết đi theo bản năng và họ cũng đến được bờ biển. Bỗng nhiên, cách họ một dặm, xuất hiện một tốp thổ dân. Chúng vừa đuổi theo vừa vung vũ khí lên. Không còn biết chạy đi đâu nữa, đằng trước là biển hồ. Glenarvan định dồn hết sức còn lại ra lệnh tự vệ, thì John Mangles kêu to:

- Có thuyền! Có thuyền kia!

Đúng là trên bờ cát phẳng, cách những người chạy trốn chừng hai mươi bước, có một chiếc thuyền với sáu mái chèo đã được kéo lên bờ. Việc đẩy thuyền xuống nước, nhẩy lên và bơi khỏi bờ chỉ mất một phút. John Mangles, Mac Nabbs, Wison và Mulrady ngồi bơi, Glenarvan lái, hai người phụ nữ, Oblinett, Paganel và Robert ngồi phía sau thuyền. Sau mười phút, chiếc thuyền đã ra khỏi bờ một phần tư dặm. Biên lúc đó đã im.

- Ra khơi! - Viên thuyền trưởng trẻ hô to.

Thà chết ngoài biển khơi còn hơn. Bốn người gò mình chèo và chiếc thuyền lướt ra biển khơi. Nửa giờ sau, khoảng cách giữa họ và những người thổ dân truy bắt không rút ngắn lại, nhưng những người chạy trốn bất hạnh đã kiệt sức, yếu đi và thuyền của đối phương xáp lại gần. Khoảng cách giữa họ còn không đầy hai hải lý. Như vậy, chắc chắn các thổ dân sẽ tấn công. Kia, chúng đã giương

những khẩu súng dài ngắm bắn! Glenarvan đứng trên mạn lái nhìn về phía chân trời với niềm hy vọng mãnh liệt vào một cái gì đấy...

Bỗng mắt ông ngời lên, tay đưa về phía trước, chỉ vào một cái gì đó đằng xa.

- Tàu! - Ông kêu to. - Tàu kia, các bạn của tôi ơi hãy chèo đi! Chèo mạnh lên!

Không có ai trong số bốn tay chèo ngoái lại để nhìn con tàu xuất hiện đột ngột ấy, không thể bỏ lỡ một nhịp chèo nào được. Chỉ có riêng Paganel đứng dậy, hướng ống nhòm về phía Glenarvan chỉ.

- Đúng! - Nhà địa lý nói. - Đằng ấy có chiếc tàu. Tàu chạy bằng hơi nước, đang mở hết tốc lực! Chạy về phía chúng ta!

Glenarvan đẩy tay lái cho Robert, chộp chiếc ống nhòm của Paganel chăm chú nhìn dõi theo từng chuyển động của con tàu.

- Duncan! - Glenarvan gằn như thét lên. - Duncan và tội phạm.

- Duncan! - John Mangles cũng kêu lên buông tay chèo đứng dậy.

- Thôi chết rồi! Thần chết đã rình đón chúng ta từ cả hai phía. - Glenarvan thất vọng.

Mọi con đường đều đã bị cắt đứt. John Mangles không biết bơi thuyền đi đâu nữa. Hai người phụ nữ vô cùng khiếp sợ. Quỷ sụp

xuống và bắt đầu cầu nguyện. Số thổ dân bắn dồn dập, đạn găm như mưa quanh chiếc thuyền. Bỗng trên tàu buồm găm lên một tiếng súng và viên đạn đại bác vèo vèo bay qua đầu những người chạy trốn. Ở giữa hai làn đạn, họ lặng người đi. John Mangles sau khi hoàn hồn, đã cầm chiếc rìu. Anh định bổ vỡ đáy thuyền cho nó đắm cùng với tất cả mọi người, nhưng Robert ngăn lại.

- Tom Austin! Tom Austin! - Chú bé gào to. - Chú ấy ở trên boong tàu! Cháu nhìn thấy chú ấy rồi! Chú ấy nhận ra chúng ta rồi! Chú ấy đang vẫy mũ kia!

Chiếc rìu của John vừa vung lên liền dừng phát ngay lại. Viên đạn thứ hai rít qua đầu họ, rơi trúng chiếc thuyền thổ dân gần nhất, phá vỡ làm đôi. Trên tàu Duncan vang lên tiếng hoan hô. Các thổ dân hoảng sợ quay thuyền lại, chạy thục mạng vào bờ.

- Lại đây! Lại đây, Tom! - John Mangles lớn tiếng gọi.

Mấy phút sau những người chạy trốn đã được an toàn lên tàu Duncan, mặc dù chưa hiểu chuyện gì đã xảy ra.

16. GIẢI THÍCH HẢI TRÌNH CỦA TÀU DUNCAN

Không thể nào tả xiết tình cảm của Glenarvan và những người bạn của ông. Lúc đặt chân lên boong tàu Duncan, người lính kèn hơi đã chơi bài thiêu của xứ sở Malcolm xa xưa, và những tiếng đồng thanh hoan hô vang lên chào đón huân tước trở về với con tàu của mình.

Glenarvan, John Mangles, Paganel, Robert và thậm chí cả thiếu tá nữa, ai nấy nước mắt rưng rưng ôm nhau thắm thiết. Thật là một trận vui sướng đến phát điên lên. Nhà địa lý hoàn toàn mất trí, ông nhảy múa như điên và lúc nào cũng chìa ống nhòm về phía những chiếc thuyền thổ dân còn nguyên vẹn đang bơi vào bờ.

Mặc dù vậy, Glenarvan chưa nghĩ đến việc nghỉ ngơi, ăn uống. Trước hết, ông lo hỏi chuyện Tom Austin đã.

Người thủy thủ già trả lời Glenarvan.

- Thế bọn tội phạm đâu? - Glenarvan hỏi.
- Các anh đã đối phó với bọn tội phạm như thế nào?

- Bọn tội phạm nào? - Tom Austin ngạc nhiên hỏi lại.

- Cái bọn bất nhân đã tấn công lên tàu ấy mà!

- Tàu nào? Tàu của ta phải không, thưa huân tước?

- Ừ, đúng rồi, tàu Duncan ấy! Vì tên Ben Joyce đã đến gặp anh kia mà!

- Tôi không biết tên Ben Joyce nào cả, tôi chưa hề nhìn thấy hắn bao giờ.

- Sao? ...Chưa bao giờ à? - Glenarvan ngạc nhiên trước câu trả lời của người thủy thủ già.

- Vậy thì Tom, anh hãy nói cho tôi biết, tại sao Duncan lại chạy dọc theo bờ biển New Zealand?

- Nhưng Duncan chạy ở đây là theo lệnh của ngài đấy chứ, thưa huân tước. - Tom bình tĩnh trả lời.

- Theo lệnh của tôi?... - Glenarvan ngăn người ra.

- Đúng thế, thưa huân tước, tôi chỉ thực hiện theo lệnh của ngài viết trong thư ngày 14 tháng giêng.

- Theo lệnh của tôi? Theo thư của tôi à? - Glenarvan thét lên.

Lập tức cả chín người du hành vây quanh Tom Austin và nhìn anh ta chăm chú? Có

nghĩa là lá thư viết ở bờ sông Snowy anh ta vẫn nhận được?

- Vâng, ở Melbourne, đúng lúc tôi vừa hoàn tất việc sửa chữa tàu.

- Thế cái thư ấy thế nào?

- Thư không phải do huân tước viết, nhưng chữ ký là của huân tước.

- Đúng thế. Và cái thư ấy là do tên tội phạm Ben Joyce đưa anh phải không?

- Không, thưa huân tước, do một thủy thủ tên là Ayrton, hoa tiêu trên tàu Britania đưa.

- À ra thế! Ayrton và Ben Joyce cũng là một mà thôi! Vậy trong thư nói gì?

- Trong thư có lệnh rời Melbourne và đi về vùng duyên hải phía đông...

- ... Australie? - Glenarvan nóng nảy kêu lên, khiến người thủy thủ già lúng túng.

- Australie à? - Tom ngạc nhiên hỏi lại, mặt trở ra. - Không, phía đông New Zealand chứ!

- Anh cứ bình tĩnh Tom, - huân tước phu nhân dịu dàng nói. - Đó là ý trời đã định.

Anh ta bồi rối đỏ mặt lên:

- Không đâu ạ, xin lỗi huân tước phu nhân, - người thủy thủ nói, - không thể thế được, tôi không nhầm đâu! Ayrton cũng đã đọc lá thư ấy đúng như thế. Và chính hắn,

còn muốn tôi cưỡng lệnh, cho tàu đi đến bờ biển Australie mà.

- Ayrton à? - Glenarvan hỏi.

- Chính hẳn. Ayrton đã cam đoan rằng như vậy là sai lầm, rằng nơi hẹn gặp nhau là Twofold - Bay kia!

Riêng thiếu tá nhìn Paganel chăm chăm, rồi hai tay khoanh chéo trước ngực, ông nói:

- Này, anh biết không Paganel, như vậy thì thực là quá đỗi!

- Hả, anh nói sao? - Nhà địa lý lúng túng.

Austin quay trở lại, anh ta cầm lá thư do Paganel viết và Glenarvan ký.

- Xin mời huân tước đọc. - Austin nói.

Glenarvan cầm lá thư và bắt đầu đọc:

"Tôi ra lệnh cho Tom Austin nhổ neo ra khơi và đưa Duncan theo vĩ tuyến 37, đến vùng duyên hải phía đông New Zealand."

- New Zealand! - Paganel kêu lên. Ông ta giằng lấy lá thư trong tay Glenarvan, lau mắt, đẩy chiếc kính xuống mũi và đọc thư một mình.

- New Zealand! - Ông ta nhắc lại bằng một giọng khó tả và đánh rơi lá thư.

Đúng lúc ấy ông cảm thấy có bàn tay của ai đó đặt lên vai của ông. Ông ngẩng đầu lên, trước mặt ông là thiếu tá.

- Biết làm sao được, ông Paganel đáng kính. - Mac Nabbs nói bằng một giọng điềm tĩnh. - Vẫn còn may là ông chưa phái Duncan đi Đông Dương!

Câu nói đùa ấy thật là tai hại cho nhà bác học tội nghiệp. Mọi người bật lên một chuỗi cười thân ái giòn như pháo nổ, Paganel, như người điên, cứ đi tới đi lui, tay ôm đầu và bực tức. Chính bản thân ông cũng không biết ông đang làm gì... Ông rời tầng lái đi xuống cầu thang và bước đi băng quơ, dừng hết ở boong dưới rồi lại lên mũi tàu...

Khi nhà bác học bình tĩnh lại, Glenarvan nói với ông:

- Bây giờ, Paganel, ngài hãy trả lời tôi một cách thành thực nhé. Tôi thừa nhận sự nhầm lẫn của ngài hóa ra lại may. Giá như không có ngài thì Duncan không còn nghi ngờ gì nữa, đã rơi vào tay bọn tội phạm. Giá như không có ngài thì những thổ dân man rợ đã lại bắt được chúng ta. Nhưng lạy chúa, xin ngài cho biết, cái điều quái gở nào đã khiến ngài, thay vì viết "Australie", lại viết thành "New Zealand"?

- Ô, quý thật, - Paganel kêu lên, - đó là vì... Nhưng vừa đến đây, mắt ông dừng lại nơi Robert và Mary Grant. Ông nghẹn lời.

Paganel thôi không nói nữa. Sự xuất hiện

bí mật của Duncan đã giải thích tất cả. Các nhà du hành được cứu thoát một cách kỳ diệu ấy trở về căn phòng ấm cúng của mình, sớm muốn được ăn...

Huân tước phu nhân Helena, Mary Grant, thiếu tá, Paganel và Robert vừa đi khỏi, còn Glenarvan và John Mangles vẫn nán lại trên tàu, muốn được hỏi han thêm Tom Austin.

- Nào, bây giờ anh Tom già của tôi, - Glenarvan nói, - anh cho tôi biết điều này nhé! Lệnh cho tàu chạy dọc theo bờ biển New Zealand không làm cho anh thấy lạ sao?

- Vâng, thưa huân tước, thưa nhận rằng, lúc ấy tôi rất ngạc nhiên, - người thủy thủ trả lời, - nhưng tôi không quen bàn luận những mệnh lệnh nhận được và đã thi hành.

- Nhưng, lúc ấy anh nghĩ gì? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước, lúc ấy tôi đã nghĩ rằng, vì lợi ích của Harry Grant cần phải đến nơi mà huân tước đã ra lệnh, rằng kế hoạch của huân tước đã thay đổi và huân tước đã đi New Zealand trên một chiếc tàu nào đó. Còn tôi thì tôi phải đợi huân tước ở vùng duyên hải phía đông. Khi rời Melbourne thậm chí tôi không nói cho ai biết mình đi đâu và mãi khi chúng tôi ra đến ngoài khơi và bờ biển Australie đã khuất tầm mắt thì đoàn thủy thủ

mới được biết điều đó. Nhưng lúc ấy đã xảy ra điều mà tôi không ngờ.

- Chuyện gì thế, Tom? - Glenarvan hỏi.

- Chuyện là, ngày hôm sau, khi rời khỏi Melbourne thì hoa tiêu Ayrton đã biết tàu Duncan đi đâu.

- Ayrton! - Glenarvan kêu lên. - Vậy hắn đang ở trên tàu à?

- Vâng, thưa huân tước.

- Hắn đâu? - Glenarvan hỏi.

- Bị giam trong phòng, dưới mũi tàu - Tom Austin đáp.

- Tại sao anh lại giam hắn?

- Vì khi Ayrton biết tàu đi New Zealand thì hắn tức giận, định bắt tôi phải thay đổi hướng đi của tàu. Hắn đã hăm dọa và cuối cùng xúi giục đoàn thủy thủ nổi loạn. Tôi hiểu rằng đó là một tên nguy hiểm và buộc phải cảnh giác cách ly hắn.

- Và từ đó đến nay...

- Và từ đó đến nay hắn ngồi trong phòng giam.

- Tốt lắm, Tom.

Đến đây, Glenarvan và John Mangles được mời lên phòng chung. Bữa ăn sáng đã được dọn sẵn, sau khi tất cả những người du hành đã tỉnh táo lại và tập hợp trên boong,

Glenarvan báo cho họ biết là tên hoa tiêu Ayrton đang ở trên tàu Duncan. Ông nói thêm rằng ông muốn hỏi cung hắn trước mặt mọi người.

- Có thể cho em miễn dự cuộc hỏi cung được không? Huân tước phu nhân hỏi. Edward thân yêu, em rất khó chịu khi nhìn thấy tên bất lương này.

- Đây sẽ là một cuộc đối chất Helena ạ, Glenarvan trả lời. Anh rất mong em ở lại. Cần phải để cho tên Ben Joyce đối mặt với tất cả những nạn nhân của hắn.

Điều ấy đã thuyết phục được Helena. Nàng và Mary Grant ngồi xuống cạnh Glenarvan. Còn chung quanh họ là thiếu tá, Paganel, John Mangles, Robert, Wilson, Mulrady, Oblinett, tất cả những ai đã từng phải chịu đựng những nỗi đau thương do sự phản bội của tên tội phạm gây ra. Đoàn thủy thủ của tàu chưa biết hết tầm quan trọng của sự kiện này, họ hoàn toàn im lặng.

- Dẫn Ayrton ra đây! - Glenarvan ra lệnh.

17. BẢN GIAO KÈO

Những người thủy thủ dẫn gã hoa tiêu đến rồi lập tức đi ngay.

- Ayrton - Glenarvan bắt đầu. - Thế là bây giờ chúng ta, đang ở trên tàu Duncan mà người định cướp đoạt.

Rồi gã hoa tiêu run run, gã không nói gì cả. Trông gã rất bình tĩnh. Glenarvan cho mời thiếu tá và Paganel đến phòng chung. Họ chăm chú nhìn gã. Ayrton có lẽ lưỡng lự. Sau vài phút sắp xếp ý. Gã nói:

- Tôi có thể đề xuất cùng ông một bản giao kèo được không?

- Bản giao kèo là thế nào? - Huân tước hỏi.

- Ngài hãy cho tôi lên một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương và hãy cho tôi những gì cần thiết nhất.

Ở đó tôi sẽ tự lo liệu cuộc sống cho mình. Còn với thời gian thì biết đâu được. Rất có thể tôi sẽ ăn năn hối cải.

Glanarvan không lường trước được lời đề nghị như thế! Sau khi suy nghĩ ông nói với gã hoa tiêu:

- Nếu ta thực hiện yêu cầu của người thì người sẽ kể hết những điều ta cần biết chứ?

- Vâng! Thưa huân tước, nghĩa là tất cả những gì tôi biết về thuyền trưởng.

- Nói đi, Ayrton, - Glenarvan giục.

- Tôi vẫn chưa được các ông chấp nhận đề nghị của tôi kia mà. Và lại, tôi xin khẳng định một cách không do dự rằng tôi biết về Harry Grant không bao nhiêu đâu.

- Không bao nhiêu! - Glenarvan thốt lên.

- Vâng, thưa huân tước. Những tình tiết tôi nói cho các ông biết đều liên quan đến cá nhân tôi. Không biết liệu có giúp gì cho các ông tiếp tục lần theo dấu tích đã mất không.

- Chúng tôi sẽ không hỏi nữa, - Glenarvan nói, - người hãy tự kể tất cả những gì người biết, và trước hết người hãy nói người là người như thế nào?

- Thưa các ngài, - Ayrton bắt đầu. - Tôi đích danh là Tom Ayrton, hoa tiêu của tàu Britania. Ngày 12 tháng ba năm 1861, tôi rời cảng Glassgow trên chiếc tàu của Harry Grant. Mười bốn tháng trời chúng tôi cùng ông ta rẽ sóng Thái Bình Dương đi tìm một nơi thích hợp để làm vùng di dân Scotland. Harry Grant là một người sinh ra để làm nên những sự nghiệp lớn, nhưng tôi và ông ta thường có những cuộc đụng độ nghiêm trọng.

Tính cách của ông ấy không hợp với tôi. Tôi đã có lần dám đứng lên chống lại ông ta. Tôi định gây loạn trong đoàn thủy thủ và chiếm đoạt tàu. Tôi làm như vậy đúng hay sai, điều ấy không quan trọng. Dẫu sao thì ngày 8 tháng tư năm 1862, Harry Grant cũng đã đẩy tôi lên vùng duyên hải phía tây Australie. Thế là tôi lủi thủi một mình trên bờ biển gần như hoang vắng, nhưng chỉ cách trại giam Perth vển vẹn hai mươi hải lý. Trong khi lang thang trên bờ tôi gặp một toán phạm nhân vừa trốn trại và tôi đã nhập vào bọn họ. Tôi xin phép các ông không kể về đời tư của tôi trong hai năm rưỡi vừa qua. Tôi chỉ xin nói rằng tôi núp dưới cái tên Ben Joyce và trở thành người cầm đầu băng cướp. Tháng 9 năm 1864 tôi đến trang trại của người Irlande nợ và vào làm công cho ông ta với cái tên thật là Ayrton. Tôi chờ đợi có dịp thuận lợi là cướp một chiếc tàu nào đó. Đó là ước mơ tha thiết của tôi. Hai tháng sau thì Duncan xuất hiện. Khi đến trang trại, ngài huân tước đã kể lại toàn bộ lai lịch về thuyền trưởng Grant. Qua đó tôi mới biết những gì mà trước đây tôi chưa biết, chẳng hạn như việc Britania đã đậu ở cảng Callao, những tin tức cuối cùng về chiếc tàu là vào tháng sáu năm 1862 (hai tháng sau khi tôi bị đẩy lên bờ biển), chuyện lá thư bỏ trong chai, chuyện

chiếc tàu bị đắm ở vĩ tuyến 37. Cuối cùng, tôi được biết các ông có kết luận xác đáng là cần phải đi tìm Harry Grant ở lục địa Australie. Tôi không lưỡng lự chút nào nữa, liền quyết định chiếm đoạt Duncan, một chiếc tàu tuyệt diệu, vượt xa cả những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội tàu Anh... Nhưng Duncan lúc ấy đang bị hỏng nặng. Tôi đã đề nghị đưa tàu đến Melbourne, còn bản thân tôi thì xin làm người dẫn đường cho các ông đến nơi tàu Britania bị đắm ở vùng duyên hải phía đông Australie. Bằng cách đó tôi có cơ dẫn đoàn thám hiểm của các ông đi qua tỉnh Victoria. Đồng bọn của tôi đã theo dõi các ông, lúc thì đi sau, lúc thì vượt lên trước. Chính bọn chúng đã gây nên tội ác ở cầu Camden. Nếu tàu Duncan mà đến được bờ biển phía đông Australie thì đã không thoát khỏi sa vào tay tôi, mà với một chiếc tàu như thế thì tôi đã trở thành bá chủ đại dương. Thưa ngài, đó là tất cả những gì tôi muốn nói. Rủi thay, những lời thú tội này không giúp ích các ngài tìm ra dấu tích của Harry Grant. Như các ngài thấy đó, việc giao kèo với tôi ít có lợi cho các ngài.

Thiếu tá hỏi gã hoa tiêu về một số mốc thời gian có liên quan đến tàu Britania.

- Như vậy là người đã bị dày lên bờ biển phía tây Australie ngày 8 tháng tư năm 1862?

- Đúng thế.

- Thế người có biết trong thời gian ấy Harry Grant có kế hoạch gì không?

- Đây là tất cả những gì mà tôi có thể nói cho các ngài, thuyền trưởng Grant đã dự tính đến New Zealand. Khi tôi còn ở tàu Britania thì những ý định đó ông ta chưa thực hiện. Như vậy, không thể loại trừ khả năng thuyền trưởng Grant khi rời cảng Callao đã đi thẳng New Zealand. Điều đó khớp với thời gian đắm tàu được nói ở trong thư là ngày 27 tháng sáu năm 1862.

- Hoàn toàn đúng như vậy. - Paganel lên tiếng.

- Nhưng mà không có từ nào trong lá thư nói đến New Zealand. - Glenarvan bác lại.

- Về điều này thì tôi không thể trả lời cho các ngài được! - Gã hoa tiêu nói.

Gã hoa tiêu ra khỏi phòng có hai thủy thủ đi kèm.

- Tên bất lương này có thể trở thành một người chân chính. - Thiếu tá nói.

- Đúng, - Glenarvan tán thành. - Hấn thông minh, kiên quyết, nhưng phải hướng hấn làm những điều thiện kia.

- Thế còn Harry Grant?

- Tôi sợ không thể tìm được ông ta. Tôi

nghiệp cho những đứa con của ông ấy. Ai có thể nói được cha chúng bây giờ ở đâu?

- Tôi. - Paganel lên tiếng, - vâng, tôi..

- Ngài ư? Paganel? Ngài biết thuyền trưởng Grant đang ở đâu? - Huân tước kêu lên.

- Vâng, nói chung là có thể biết được, - nhà địa lý đáp.

- Làm sao ngài biết?

- Tất nhiên là từ bức thư ấy mà ra.

- À! - Giọng thiếu tá đầy vẻ nghi ngờ.

- Trước hết, ông hãy nghe đã, Mac Nabbs, rồi sau hãy nhún vai.. - nhà địa lý nhận xét. - Tôi bấy lâu vẫn im lặng, biết rằng, dù sao ông vẫn không tin tôi. Vậy thì nói ra để làm gì? Nếu như bây giờ tôi quyết định nói ra điều ấy thì đó chỉ là những lời của Ayrton đã xác nhận giả định của tôi mà thôi.

- Nghĩa là thuyền trưởng Grant đang ở New Zealand sao? - Glenarvan hỏi.

- Xin ngài hãy nghe tôi, rồi sau đó ngài tự xác định, - Paganel trả lời. - Sự sơ suất trong lá thư cứu chúng ta ấy không phải là tình cờ đâu, có thể giải thích được. Khi tôi viết lá thư theo lời đọc của huân tước, thì từ "New Zealand" cứ ám ảnh tôi hoài. Hôm ấy thiếu tá đã đưa cho Helena tờ báo "Australian và New Zealand". Trong đó có bài tường thuật về tai

nạn xe lửa đó. Lúc tôi viết thư, tờ báo ấy nằm trên sàn xe, được gấp lại, tên tờ báo bằng tiếng Anh bị lấp đi, tôi chỉ còn trông thấy có hai âm tiết cuối cùng là "Aland". Thế là tôi bỗng thấy lóe lên một niềm hy vọng. Trong bức thư được viết bằng tiếng Anh cũng có y hệt từ "Aland" như thế. Trước nay ta vẫn cho rằng từ ấy có nghĩa là "lên mặt đất". Nhưng thực ra đó là đuôi của từ "Zealand".

- Có chuyện gì nữa đây? - Glenarvan ngạc nhiên bật dậy.

- Ôi! Sao mà khéo tưởng tượng thế, ngài Paganel. - Mac Nabbs nói - Sao ngài dễ quên những điều kết luận trước kia của ngài thế!

- Không đâu, thiếu tá, tôi sẵn sàng trả lời ngài về tất cả mọi điều.

- Thế thì xin ngài cho biết ngài giải thích như thế nào về từ "Austral"!

- Cũng vẫn như lúc đầu thôi. Nó có nghĩa là "ở phía nam".

- Hay lắm! Thế còn những chữ "indi" mà lúc đầu ngài giải thích là "indiens" - "những người da đỏ", sau đó lại giải thích là "indigènes" - "những người thổ dân"? Thế bây giờ ngài hiểu từ đó như thế nào?

- Lời giải thích thứ ba cũng là lời giải thích cuối cùng như sau: đó là những chữ đầu của từ indigence - "thiếu thốn".

- Còn từ "contin" có nghĩa là "lục địa" như cũ không? - Mac Nabbs hỏi.

- Không, tất nhiên rồi, vì New Zealand chỉ là đảo.

- Vậy thì thế nào? - Glenarvan hỏi.

- Thưa huân tước thân mến, bây giờ tôi xin đọc cho ngài nghe nội dung của lá thư theo cách giải thích mới, cách giải thích thứ ba rồi ngài sẽ tự hiểu.

Paganel chậm rãi và đọc đồng dục như sau:

"Ngày 27 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glassgow, sau thời gian "hấp hối" kéo dài, đã bị đắm ở bờ biển phía nam, gần bờ biển New Zealand (theo bản tiếng Anh là Zealand). Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát được lên bờ. Ở đây thường xuyên bị thiếu thốn cùng cực, họ đã thả bức thư này ở kinh độ... và vĩ độ 37° 11'. Hãy đến cứu giúp họ, hoặc là họ sẽ bị chết".

Paganel im lặng. Lời giải thích bức thư như vậy hoàn toàn có thể chấp nhận được. Nhưng chính vì nó tưởng như đúng sự thật nên nó vẫn có thể sai. Bởi vậy mà cả Glenarvan lẫn thiếu tá đều bài bác nó. Tuy nhiên, nếu dấu tích của Britania đã không được tìm thấy ở cả bờ biển Patagonia lẫn bờ

biển Australie, nơi vĩ tuyến 37 đi qua, thì tất nhiên có cơ hội tìm thấy ở New Zealand.

Khi nhà địa lý nói điều đó, các bạn của ông lấy làm ngạc nhiên.

- Paganel, xin ngài cho biết, - Glenarvan nói với ông, - tại sao suốt hai tháng qua ngài cứ giữ kín lời giải thích ấy?

- Là vì, lời giải thích của tôi, dù có đúng đi nữa, thì khi ấy cũng không thể giúp gì cho việc cứu thuyền trưởng.

- Tại sao ngài lại nghĩ như vậy?

- Vì rằng, nếu từ đó đến nay đã hai năm rồi, mà không thấy thuyền trưởng ở đâu, có nghĩa là ông đã mất, hoặc là trong vụ đắm tàu, hoặc là trong tay người New Zealand.

- Ngài nghĩ vậy?... - Glenarvan hỏi.

- Tôi nghĩ rằng, có thể là chúng ta tìm được dấu vết của Britania, nhưng những người bị nạn thì chết mất rồi, không bao giờ trở lại.

- Các bạn của tôi, đừng nên nói ra điều này, - Glenarvan nói. - Hãy thu xếp cho tôi một dịp thích hợp, để tôi báo tin ấy cho những đứa con thuyền trưởng Grant.

18. TIẾNG KÊU TRONG ĐÊM

Chẳng mấy chốc cả đoàn thủy thủ Duncan đã biết rằng những điều thông báo của Ayrton không rọi thêm tia sáng nào cho số phận thuyền trưởng Grant. Ai nấy đều chán nản vô cùng.

Vậy nên con tàu vẫn trở về hướng cũ. Chỉ còn việc chọn một hòn đảo cho Ayrton lên đó.

Paganel và John Mangles đảm nhận việc này. Họ mang bản đồ hàng hải ra xem. Đúng trên vĩ tuyến 37 có một mảnh đất nhỏ có tên là mỏm đá ngầm Maria Thérésa. Đó là hòn đảo nhỏ chơi vơi giữa Thái Bình Dương, cách bờ biển châu Mỹ ba ngàn năm trăm hải lý và cách New Zealand một ngàn năm trăm hải lý. Phía bắc giáp vùng đất gần nhất là quần đảo Pomotou đặt dưới sự bảo hộ của nước Pháp. Phía nam không giáp hòn đảo nào, thông đến tận vùng nam cực. Tàu bè không khi nào ghé lại qua hòn đảo hoang vắng này.

Ayrton được chỉ cho biết vị trí của đảo trên bản đồ. Đó là đảo Maria Thérésa. Gã hoa tiêu chấp nhận sống một mình ở đó. Con tàu lúc đó đang trên đường thẳng từ vịnh Talcahuano đến Maria Thérésa.

Tám giờ tối Duncan còn cách đảo Maria Theresa ven vịnh năm hải lý.

Mười giờ tối trên đảo nhô bùng lên một ngọn lửa khá sáng. Ngọn lửa tỏa sáng đều và bất động.

- Đúng là ngọn lửa thật, chứ không phải là hiện tượng của núi lửa hoạt động, Paganel nói. Hình như ngọn lửa cũng nhấp nháy giống như hải đăng.

- Ông nói đúng, John lên tiếng. Nhưng trên vùng bờ biển này không có hải đăng. Ô kìa! Anh ta reo lên. Lại có thêm một ngọn lửa nữa, đúng ngay trên bờ. Các ông nhìn kìa, ngọn lửa đang lay động, di chuyển!

John đã không lầm, đúng là một ngọn lửa khác vừa xuất hiện. Hình như lúc nó tắt đi, lúc lại cháy lên.

- Thế là đảo có người ở? - Glenarvan hỏi.

- Có lẽ thổ dân, - Paganel trả lời. - Nhưng nếu vậy thì chúng ta không thể cho gã hoa tiêu lên bờ được.

- Tất nhiên là không. - Thiếu tá xen vào.

- Vậy thì chúng ta tìm một hòn đảo khác không có người ở. - Glenarvan nói.

Lúc ấy hai chị em Mary Grant và Robert lên boong tàu trên. Những đứa con của thuyền trưởng Grant chống khuỷu tay lên lan

can tàu, buồn bã nhìn biển lấp lánh dạ quang. Mary nghĩ về tương lai của Robert, Robert thì nghĩ về tương lai của chị. Và cả hai chị em cùng nghĩ tới cha.

Nỗi khổ đau làm cho chú bé trở thành người lớn trước tuổi. Chú đoán được những ý nghĩ đang làm cho chị lo âu.

- Chị Mary, - chú bé nắm tay chị, - đừng có bao giờ thất vọng chị ạ. Chị hãy nhớ, cha của chúng ta, đã dạy chúng ta những gì? Từ trước đến nay, chị đã làm việc vì em, còn bây giờ đến lượt em, em sẽ lao động vì chị.

- Em sẽ xa chị à? - Mary kêu lên, nắm chặt tay em.

- Vâng, chị ạ, em sẽ làm thủy thủ, giống như cha, giống như thuyền trưởng John! Chị Mary, chị Mary yêu quý, vì rằng thuyền trưởng John chưa mất hy vọng tìm thấy cha kia mà. Chị hãy tin vào lòng trung thành của chàng thủy thủ giỏi, và chúng ta sẽ cùng anh ấy đi tìm cha. Chị nói chị đồng ý đi. Trách nhiệm của chúng ta - trách nhiệm của em - là làm tất cả những gì mà cha đã làm cho chúng ta. Em chỉ có mục đích sống là tìm bằng được cha. Chị Mary yêu quý, cha của chúng ta nhân hậu biết bao!

Mary ôm em vào ngực và chú bé cảm thấy những giọt nước mắt của chị lăn trên trán chú.

- Chị Mary! Chị Mary! - Robert gọi. Một người như cha của chúng ta không thể chết nếu như chưa hoàn thành sự nghiệp của mình đến cùng!

Mary Grant không thể đáp lại điều gì, cô ghen ngào nức nở. Cô gái vô cùng xúc động trước ý định của chàng thuyền trưởng trẻ muốn tiếp tục tìm kiếm người cha của cô, và trước lòng chung thủy vô hạn của chàng.

- Thế nghĩa là John vẫn còn hy vọng? - Cô hỏi.

- Vâng, - Robert đáp. - John là anh của chúng ta và sẽ không bao giờ rời bỏ chúng ta. Và em cũng sẽ trở thành thủy thủ để cùng với anh ấy tìm cha chị nhé, chị Mary? Chị có đồng ý không?

- Tất nhiên là đồng ý chứ! Nhưng mà phải xa nhau... - cô gái khẽ nói.

- Chị không phải đơn độc đâu, chị Mary ạ! Anh John đã nói với em rằng huân tước phu nhân không chịu rời chị đâu. Chị là phụ nữ, là chị gái kia mà, vậy chị cần phải tiếp nhận sự giúp đỡ của bà ấy. Từ chối là vô ơn đấy. Còn em là đàn ông có nghĩa là em cần phải - như cha đã nhiều lần dặn dò em - tự rèn luyện số phận mình.

- Nhưng còn ngôi nhà thân yêu của chúng ta ở Dundee thì sao? Biết bao nhiêu kỷ niệm đã gắn bó chúng ta với ngôi nhà ấy!

- Chúng ta giữ nguyên nó chị ạ! Mọi việc sẽ ổn hết. Anh John của chúng ta và huân tước Glenarvan đã nghĩ hết mọi điều rồi. Chị sẽ sống với ông bà huân tước Glenarvan ở lâu đài Malcolm như con gái của ông bà. Tự huân tước đã nói với anh John như vậy, anh ấy nói lại cho em biết. Chị sẽ ở đó với ông bà cũng như ở nhà thôi và chị sẽ có người để mà tâm sự về cha. Rồi một ngày nào đấy em và John sẽ đưa cha về với chị! Ô, như thế kỳ diệu biết bao! Robert nói về đặc chí.

- Em trai của chị, thằng bé con của chị, cha sẽ hạnh phúc biết bao nếu cha được nghe em nói! - Mary nói.

- Robert yêu quý, sao em giống cha thân yêu của chúng ta đến thế! Khi nào trở thành một người đàn ông, em sẽ giống cha như đúc!

- Ôi, chị Mary! - Chú bé nói, đỏ mặt lên vì tự hào của một đứa con có hiếu.

- Nhưng chúng ta biết lấy gì tạ ơn ông bà huân tước Glenarvan? - Mary nói.

- Ô, điều đó chẳng khó gì đâu! - Robert tuyên bố với lòng tự tin của một chàng trai trẻ. Chúng ta sẽ yêu kính ông bà, sẽ nói cho ông bà biết như thế, còn đến khi nào cần thì chúng ta sẽ hy sinh đời mình vì ông bà ấy!

Vừa lúc ấy một cái gì đó rất lạ xảy ra. Đường như có một lực nam châm nào đó hút

hai chị em lại, cùng lúc gây cho chúng có chung một ảo giác giống nhau. Bỗng chúng thấy như từ trong lòng những lớp sóng biển hóa, lúc thì đen, lúc lại sáng lóa, có tiếng ai đó vang lên. Và tiếng kêu đau khổ sâu xa đã vào tận đáy lòng chúng.

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!... - Tiếng kêu vọng lên.

- Chị Mary có nghe thấy không, có nghe thấy không? - Robert hỏi.

- Hai chị em cúi vội người qua mạn tàu, bắt đầu lẳng nhìn bóng đêm, nhưng không thấy gì cả - chỉ thấy bóng đêm trải dài vô tận trước mắt chúng.

- Robert, - Mary vội nói, - mặt tái nhợt đi vì hồi hộp, - chị cảm thấy... ừ chị cũng cảm thấy như em. Hai chị em mình đang mê sảng hay sao ấy, Robert yêu quý ạ!

Nhưng tiếng người kêu cứu lại vang lên, lần này lớn hơn đến nỗi hai chị em cùng bật ra tiếng kêu:

- Cha! - Cha!

Mary không thể kiềm chế được nữa. Cô xúc động ngất đi.

- Cứu tôi với! - Robert kêu lên. Chị! Cha!... Cứu tôi với.

Thủy thủ lái tàu đã lao đến nâng cô gái bị ngất xỉu dậy. Các thủy thủ trực phiên chạy

lại. John Mangles, vợ chồng huân tước Glenarvan bị tiếng ồn ào đánh thức, đã có mặt ngay.

- Chị cháu bị chết giấc! Còn cha cháu đang ở dưới kia! - Robert kêu lên chỉ tay xuống biển.

Không ai có thể hiểu được chuyện gì đã xảy ra.

- Vâng, vâng, - chú bé nhắc lại - Cha cháu đang ở dưới đó! Cháu nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Chị Mary cháu cũng nghe thấy mà..

- Vừa lúc ấy Mary tỉnh lại và trong cơn hoảng loạn ấy cô cũng kêu lên:

- Cha! Cha ở dưới biển!..

Cô bé tội nghiệp cúi qua mạn tàu như định lao xuống biển.

- Thưa huân tước! Thưa huân tước phú nhân Helena! Cháu xin nói với ông bà là cha cháu đang ở dưới biển đó! - Cô gái nắm chặt tay khẳng định. - Cháu xin đảm bảo với ông bà rằng cháu nghe thấy tiếng kêu của cha cháu! Tiếng kêu cha cháu từ dưới biển vọng lên giống như một lời cầu cứu..

Robert vẫn nhắc đi nhắc lại:

- Cha cháu, cha cháu ở dưới biển đó! Cháu tin chắc như vậy mà, thưa huân tước.

Những người chứng kiến cảnh đau lòng

ấy cuối cùng đã hiểu rằng những đứa con của thuyền trưởng Grant bị ảo giác đánh lừa. Nhưng nói thế nào cho chúng tin điều ấy?

Glenarvan đã định nói cho chúng biết. Ông nắm tay Robert hỏi:

- Cháu nghe thấy tiếng của cha cháu à?

- Vâng, thưa huân tước. Ở dưới biển ấy. Cha cháu kêu: "Cứu tôi với! Cứu tôi với!"

- Và cháu nhận ra tiếng của cha cháu?

- Cháu có nhận ra tiếng của cha cháu không ư? Ô! Cháu xin thề với huân tước mà! Cả chị cháu cũng nghe thấy và nhận ra tiếng của cha cháu mà! Không lẽ huân tước lại nghĩ rằng cả hai chị em cháu có thể nhầm được chăng? Thưa huân tước, cần phải cứu cha cháu! Hạ xuống xuống! Hạ xuống xuống!

Glenarvan thấy rằng không thể thuyết phục được chú bé tội nghiệp này. Ông đành thực hiện biện pháp cuối cùng là gọi người lái tàu đến.

- Hawkins, - ông nói với người lái, - lúc cô Mary bị ngất chú vẫn đứng yên bên tay lái chứ?

- Vâng. - Hawkins đáp.

- Và chú không trông thấy gì, không nghe thấy gì à?

- Không ạ.

- Đấy, cháu thấy chưa, Robert!

- Nếu đấy là cha của chú ấy thì chú ấy đã không nói rằng không nghe thấy gì cả. - Robert nóng nảy kêu lên. - Đây là cha của cháu, thưa huân tước, cha của cháu mà, cha ơi!

Robert nói nức nở. Chú tái người ngất lịm. Glenarvan đưa chú vào phòng nằm.

Ngày hôm sau mồng 8 tháng ba, lúc 5 giờ sáng, khi trời vừa ửng nắng, các hành khách trong đó có cả Robert và Mary - không thể nào giữ chúng trong phòng được, - tụ tập trên boong tàu Duncan. Ai nấy đều muốn nhìn mặt đất, dù chỉ thoáng qua thôi. Mọi người dán mắt vào chiếc ống nhòm để nhìn cảnh vật trên đảo cho thật rõ.

Bỗng Robert kêu to lên. Chú bé cam đoan đã nhìn thấy hai người chạy trên bờ, còn người thứ ba thì vắng cờ.

- Cờ nước Anh! - John Mangles kêu lên, mắt vẫn nhìn qua ống nhòm.

- Đúng thế! - Paganel la to, quay phắt về phía Robert.

- Thưa huân tước, - chú bé nói giọng run run vì hồi hộp, - nếu huân tước không muốn cho cháu bơi vào bờ thì xin huân tước cho hạ xuống xuống. Cháu quỳ gối lạy huân tước, hãy cho cháu được lên bờ đầu tiên.

- Hạ xuống! - Ông ra lệnh.

Một phút sau, chiếc xuồng đã nổi lên mặt nước. Những đứa con của thuyền trưởng Grant, Glenarvan, John Mangles, Paganel lên xuồng. Chiếc xuồng lao nhanh về phía trước, dưới tay chèo gấp của sáu thủy thủ.

Cách bờ khoảng hai trăm mét Mary kêu to bằng giọng thống thiết.

- Cha!

Trên bờ, đứng cạnh hai người bạn là một người cao, thân hình chắc nịch, trên nét mặt gợi cảm của ông ta, hiền lành và dũng cảm, có những nét hao hao giống cả hai đứa trẻ Grant. Không nghi ngờ gì nữa, đấy chính là người mà Mary và Robert hằng mong nhớ. Trái tim đã không đánh lừa chúng - đó là cha của chúng, đó là thuyền trưởng Grant!

Thuyền trưởng nghe thấy tiếng kêu của Mary, ông đưa hai tay ra và ngã xuồng như bị sét đánh.



Sự xúc động thường không làm cho ai chết cả. Ngay cả người cha lẫn những đứa con đều đã tỉnh lại, từ trước khi chiếc xuồng về đến tàu. Biết đâu là lời lẽ để miêu tả cảnh tượng này. Cả đoàn thủy thủ đều khóc, khi nhìn thấy ba người lạng áp sát vào nhau.

Harry Grant, khi bước lên tàu Duncan, nơi đối với ông ta là tượng trưng cho quê

hương Scotland thân yêu, đã tạ ơn trời cứu thoát mình. Sau đó bằng một giọng run run vì hồi hộp. Ông đã bày tỏ lòng biết ơn nồng nhiệt đối với Glenarvan và tất cả những người cùng đi với huân tước. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi chiếc xuồng bơi về tàu. Mary và Robert đã kịp kể vài lời cho cha nghe về cuộc thám hiểm của Duncan.

Ông đã bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với huân tước phu nhân Helena, người phụ nữ cao thượng và những người đi cùng với nàng.

Gương mặt dũng cảm của ông ngời lên vẻ sáng diệu hiền, khiến cả đoàn thủy thủ cảm thấy mình được khen thưởng quá nhiều về tất cả những gì mà họ đã vượt qua. Ngay đến thiếu tá vốn điềm tĩnh cũng không cảm lòng được và rơm rớm nước mắt. Còn Paganel thì đã khóc như một đứa trẻ, thậm chí không muốn dấu những giọt nước mắt của mình.

Harry Grant mắt không rời con gái. Ông cảm thấy tự hào về sắc đẹp duyên dáng của con. Quay sang con trai, ông phấn khởi khen con:

- Cu cậu lớn quá! Ra đáng đàn ông lắm!

Rồi ông hôn thắm thiết hai đứa con yêu quý.

Huân tước phu nhân Helena kể cho thuyền trưởng nghe về cuộc hành trình của

họ. Thuyền trưởng có thể tự hào về cậu em trai và cô con gái.

Sau khi huân tước phu nhân Helena, đến lượt John Mangles lên tiếng. Chàng đã hết lời ca ngợi Mary Grant. Những điều ấy ít nhiều Harry Grant đã được nghe qua lời kể của huân tước phu nhân Helena. Ông xúc động nắm tay con gái đặt vào tay chàng thuyền trưởng trẻ tuổi dũng cảm ấy. Rồi quay về phía vợ chồng huân tước Glenarvan, ông nói:

- Thưa huân tước và huân tước phu nhân, chúng ta cầu mong cho con cái chúng ta được hạnh phúc!

Glenarvan nói cho Harry Grant biết về Ayrton. Theo lời của thuyền trưởng Grant thì tất cả những gì viên hoa tiêu nói về việc hấn bị dầy lên bờ biển Australie đều đúng cả.

- Hấn là người can đảm, nhưng liều lĩnh, - ông nói thêm. - Những ham muốn cực độ đã lôi kéo hấn vào tội ác. Chúng ta tin tưởng rằng rồi hấn sẽ hồi tâm hối hận và trở lại với những tình cảm tốt đẹp.

Nhưng Harry Grant muốn trước khi dầy Ayrton lên đảo, được tiếp những người bạn mới tại nơi ở của mình trên đảo đã. Ông mời họ đi thăm căn nhà gỗ của mình và ăn cơm sau chiếc bàn Robinson nơi đại dương.

Glenarvan và những người cùng đi với ông vui vẻ nhận lời.

Paganel rất phấn khởi. Những ước mơ trở thành Robinson ngày cũ đã sống lại trong ông.

- Chẳng có gì phải thương xót cho tên Ayrton bị bọm cả! Hòn đảo này là thiên đường thực sự! - Nhà địa lý thốt lên.

- Đúng nó là thiên đường đối với ba nạn nhân bị đắm tàu, - Harry Grant tán thành. - Nhưng tôi rất tiếc rằng Maria Thérésa không phải là hòn đảo rộng và màu mỡ, tôi muốn có sông, chứ không phải có suối và có cảng chứ không phải có một cái vịnh nhỏ.

- Bởi vì, nếu vậy thì tôi đã thành lập ở đây, trên biển Thái Bình Dương này, một vùng dân di cư Scotland rồi.

- Hóa ra thế, thuyền trưởng Grant! Hẳn là ông vẫn chưa từ bỏ cái ý định đã làm cho ông nổi tiếng khắp xứ sở chúng ta? - Glenarvan nói.

- Chưa, chưa từ bỏ đâu, thưa huân tước. Nhờ trời và các ông, tôi được cứu thoát chính là để thực hiện ý định ấy.

- Thôi, không sao thuyền trưởng ạ, - Glenarvan nói. - Tương lai nằm trong tay chúng ta! Chúng ta sẽ cùng nhau tìm những vùng đất mới ấy.

Harry Grant và Glenarvan bắt chặt tay nhau như để chứng thực cho lời hứa ấy.

Harry Grant vui vẻ kể:

- Câu chuyện của tôi, - ông bắt đầu, - đó là câu chuyện của tất cả những Robinson đã bị trôi giạt vào đảo hoang. Chỉ còn biết trông cây vào trời và chính bản thân mình. Họ hiểu rằng cần phải đấu tranh với chính lực lượng thiên nhiên để sống.

Đêm 26 rạng 27 tháng sáu năm 1862, Britannia bị mất tay lái trong trận bão kéo dài sáu ngày, bị va vào đá ngầm ở Maria Thérésa. Biên động dữ dội, đến mức không thể cứu được tất cả mọi người và đoàn thủy thủ không may của chúng tôi đã bị chết hết. Chỉ còn hai thủy thủ là Bob Learce, Joy Bell và tôi, sau nhiều lần vụng vẫy, đã thoát được lên bờ. Vùng đất mà chúng tôi nương thân hóa ra là một đảo nhỏ hoang vắng dài năm dặm, rộng hai dặm. Trên đảo có ba chục cây, vài bãi cỏ, có một nguồn nước may thay không bao giờ bị cạn. Cùng sống với hai thủy thủ của mình ở một nơi heo hút trên trái đất, tôi không hề bị mất tinh thần mà sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách. Bob và Joe, những người bạn cùng cảnh hoạn nạn với tôi đã tận lực giúp tôi.

Theo gương của Robinson chúng tôi bắt đầu thu nhặt những mảnh tàu vỡ, các dụng cụ, một ít thuốc súng, vũ khí, bao tải đựng những hạt giống quý.

Những ngày đầu rất khó khăn, nhưng

chẳng bao lâu việc săn thú và bắt cá đã đảm bảo cho chúng tôi có cái ăn, đảo đầy những dè rừng và biển có nhiều cá. Dần dần cuộc sống của chúng tôi ổn định.

Thoạt đầu tôi định rời khỏi đảo bằng chiếc thuyền đóng bằng những mảnh tàu vỡ, nhưng vùng đất gần nhất là đảo Pomotou cách chúng tôi những một ngàn năm trăm hải lý. Không có thuyền nào có thể bơi xa như vậy được. Suốt thời gian ở đây, đôi ba lần tôi thấy tận chân trời, cánh buồm xuất hiện nhưng rồi lại biến mất ngay. Tôi hiểu chỉ có sự ngẫu nhiên mới cứu chúng tôi thoát được thôi.

Cuối cùng, ngày hôm qua, tôi leo lên một tảng đá cao, bỗng thấy phía tây có một làn khói nhẹ, làn khói cứ lớn dần. Tôi nhanh chóng nhận ra một chiếc tàu. Hình như con tàu tiến về phía chúng tôi.

Òi, sao cái ngày hôm qua lại khác khoải đến thế! Tim tôi như muốn vỡ ra trong lồng ngực. Các bạn của tôi đêm qua đã đốt lửa trên đỉnh núi. Nhưng không có dấu hiệu nào chứng tỏ người trên tàu đã nhận ra chúng tôi cả. Việc cứu thoát chúng tôi tùy thuộc vào con tàu ấy. Không lẽ chúng tôi bỏ lỡ cơ hội này được sao! Tôi không chần chờ nữa, bóng đêm dày hơn. Đêm nay con tàu có thể chạy vòng qua đảo đi mất. Tôi lao xuống nước và bơi lại phía

tàu. Niềm hy vọng thêm sức cho tôi. Tôi rẽ sóng bơi với sức mạnh phi thường. Chiếc tàu cách tôi sáu mươi mét thì bỗng nó đổi hướng. Lúc ấy tôi đã kêu lên những tiếng kêu cứu thất vọng mà chỉ có những đứa con của tôi mới nghe thấy. Sau đó tôi trở lại bờ, kiệt sức vì hồi hộp và mệt nhọc. Những người thủy thủ đã kéo tôi lên bờ trong tình trạng nửa sống nửa chết. Cái đêm cuối cùng trên đảo thật khủng khiếp...

Những lời cuối của thuyền trưởng đã chìm đắm trong những cái hôn và sự âu yếm mà Mary và Robert đã dành cho cha. Và mãi đến bây giờ thuyền trưởng mới biết là ông ta được cứu thoát là nhờ bức thư khó đọc mà ông đã để trong chai bỏ xuống biển sau khi xảy ra tai nạn được một tuần.

Paganel không kiềm chế được mình nữa. Ông nắm lấy tay Harry Grant.

- Thuyền trưởng, ông hãy cho biết, rốt cuộc thì nội dung bức thư bí ẩn đó ông nói gì?

Như các vị đã biết, vì muốn tăng thêm những cơ hội được cứu thoát, tôi đã để vào chai ba lá thư bằng những thứ tiếng khác nhau. Vậy các vị quan tâm đến lá thư nào?

- Chẳng phải ba lá thư giống nhau sao? - Paganel ngạc nhiên.

- Giống nhau, trừ một địa danh.

- Vậy thì ông hãy cho biết bản tiếng Pháp, - Glenarvan nói, - bản ấy ít bị nước biển ăn mòn hơn và các lời giải thích của chúng tôi chủ yếu dựa vào đó.

Bản ấy chính xác như sau:

"Ngày 27 tháng sáu năm 1862, chiếc tàu ba cột buồm Britania đi từ cảng Glassgow đã bị nạn ở cách Patagonia một ngàn năm trăm hải lý, phía nam bán cầu. Hai thủy thủ và thuyền trưởng Grant đã thoát lên đảo Tabor".

- Sao? - Paganel kêu to.

- Tại đây, - Harry Grant tiếp tục, - thường xuyên phải chịu đựng những thiếu thốn cùng cực, họ đã bỏ thư này ở kinh độ 153° và vĩ độ $37^{\circ} 11'$. Hãy đến cứu giúp họ hoặc là họ sẽ chết.

Sau khi nghe từ "Tabor", Paganel đứng bật dậy và nổi khùng lên:

- Sao lại là đảo "Tabor" được? Đây là đảo Maria Thérésa kia mà!

- Hoàn toàn đúng như vậy, thưa ngài Paganel, - Harry Grant trả lời. - Trên bản đồ bằng tiếng Anh và tiếng Đức thì là Maria Thérésa, còn trên bản đồ bằng tiếng Pháp thì đó là "Tabor".

Vừa lúc ấy có ai đó vỗ mạnh vào vai Paganel làm ông chúm xuống. Công bằng mà nói thì đây là lần đầu tiên mà thiếu tá đã vì

phạm nguyên tắc tế nhị nghiêm ngặt của mình và đã tặng Paganel cú đấm ấy.

- Thây địa lý! - Mac Nabbs nói đầy vẻ coi thường.

Nhưng Paganel thậm chí đã không cảm thấy cú đấm ấy. Cú đấm ấy có nghĩa lý gì so với đòn đánh vào lòng tự trọng bác học của ông ta.

- Nhưng đằng nào cũng vậy thôi! - Paganel vò đầu bức tóc với vẻ thất vọng. Lẽ ra tôi không được quên cái tên có hai cách gọi ấy! Đây là một nhầm lẫn không thể tha thứ được, một sự nhầm lẫn không xứng đáng là thư ký của Hội địa lý! Tôi thật nhục nhã!

- Ngài Paganel, hãy bình tĩnh! - Huân tước phu nhân Helena an ủi nhà địa lý.

- Không, không! Tôi đích thị là một con lừa!

- Thậm chí không phải là một con lừa bác học nữa, - thiếu tá hài hước.

- Đúng là sự nhầm lẫn ấy không thể tránh được. - Huân tước nói - Bởi vì trên tất cả các bản đồ hàng hải của tàu Duncan đảo ấy đều được viết với cái tên Maria Thérésa.

Mọi người trở lại tàu Duncan. Glenarvan muốn rời khỏi đây ngay trong ngày hôm ấy, nên đã ra lệnh đưa gã hoa tiêu lên đảo. Ayrton được dẫn vào phòng Harry Grant.

- Ta ở đây, Ayrton. - Grant nói.

- Tôi thấy rồi, thưa thuyền trưởng, - gã hoa tiêu lên tiếng, không hề tỏ chút gì ngạc nhiên. - Biết nói sao bây giờ, tôi vui mừng thấy thuyền trưởng mạnh khỏe.

- Có lẽ, Ayrton, ta đã lắm khi đã đày người lên nơi có dân.

- Có lẽ, thưa thuyền trưởng.

- Bây giờ người sẽ thế chỗ ta trên hòn đảo hoang này. Ta hy vọng rằng người sẽ ăn năn hối hận về những tội lỗi mà người đã gây ra cho mọi người.

- Mọi việc đều có thể. - Ayrton bình tĩnh đáp.

Glenarvan nói với gã hoa tiêu:

- Vậy là Ayrton, người vẫn muốn được đưa lên một hòn đảo không người như trước chứ?

- Vâng.

- Đảo Tabor được chứ?

- Hoàn toàn được.

Chiếc xuồng đã đậu sẵn. Ayrton xuống xuồng. John Mangles đã cho mang trước lên đảo mấy hộp đồ hộp, quần áo, dụng cụ, súng săn, cũng như thuốc súng dự trữ và đạn. Như vậy là gã hoa tiêu có thể làm việc và tự cải tạo trong lao động. Gã có đủ mọi điều kiện cần thiết, thậm chí cả sách trong đó có kinh thánh.

Giờ cuối cùng đã đến. Toàn đoàn thủy thủ và các hành khách tụ họp trên boong. Nhiều người tim thất lại. Mary Grant và huân tước phu nhân không giữ nổi sự hồi hộp.

- Cần phải như vậy sao, anh? - Người vợ hỏi chồng. - Cần phải già từ ở đây một người bất hạnh sao, anh?

- Đúng, Helena ạ, cần phải như vậy, - Glenarvan đáp. - Đó là một sự chuộc tội.

Vừa lúc ấy chiếc xuồng theo lệnh của John Mangles rời tàu. Ayrton vẫn đứng đung như mọi khi, đứng bỏ mũ ra và cúi xuống với vẻ mặt trang nghiêm.

- Ta lên đường chứ ạ, thưa huân tước? - John Mangles hỏi.

- Lên đường, John, - Glenarvan đáp. Ông ngậm ngùi nhưng cố giữ không để lộ ra.

- Mở hết tốc lực, tiến lên! - Thuyền trưởng trẻ ra lệnh cho thủy thủ máy.

Hơi nước reo rào rào trong các đường ống. Chân vịt quay tít, tám giờ tối, những vách đá của đảo Tabor đã khuất trong bóng đêm.

19. THUYỀN TRƯỞNG GRANT TRỞ VỀ

Ngày 18 tháng ba, sau khi Duncan rời đảo Tabor mười một ngày, bờ biển châu Mỹ hiện lên trước mặt, và ngay hôm sau, con tàu đã thả neo tại vịnh Talcahuano. Duncan đã trở về đây sau năm tháng trôi lênh đênh trên biển. Suốt thời gian ấy, nó đã bám sát vĩ tuyến 37 và đi vòng quanh trái đất. Những người tham gia cuộc thám hiểm đáng ghi nhớ và chưa có tiền lệ trong biên niên sử của câu lạc bộ các nhà du hành Anh đã đến Chili, các vùng thảo nguyên Nam Mỹ, Argentine, Đại Tây Dương, các đảo Tristan d'Acuna, Ấn Độ Dương, các đảo Amsterdam, Australie, New Zealand, đảo Tabor và Thái Bình Dương. Và những cố gắng của các nhà thám hiểm đã kết thúc thắng lợi, họ đã đưa được những người bị nạn trên tàu Britania trở về quê hương.

Sau khi dự trữ thêm than, Duncan di chuyển dọc theo bờ biển Patagonia và vòng qua mũi Horn, chạy trên Đại Tây Dương.

Cuối cùng ngày 9 tháng năm, sau năm mươi ba ngày rời khỏi vịnh Talcahuano, John Mangles đã nhận thấy những ngọn lửa ngọn

hải đăng của mũi Clear. Con tàu đi vào eo biển Georges, băng qua biển Irlande và ngày 10 tháng năm đã ở vịnh Clyd. Mười một giờ sáng, Duncan thả neo bên cảng Dumbarton, và hai giờ đêm, các hành khách và thủy thủ đã bước vào lâu đài Malcolm, trong tiếng hoan hô rầm trời của những người dân miền núi chào đón họ trở về.

Đúng như mọi điều đã dự tính, Harry Grant và hai người bạn của ông được cứu thoát. Mary Grant đã làm lễ thành hôn với John Mangles tại nhà thờ cổ kính Mungo và chính ông Paxton, chín tháng trước đây đã cầu nguyện cho cha của Mary được cứu thoát, giờ đây lại ban phước cho cuộc hôn nhân của con gái ông ta và người đã cứu sống ông ta. Còn Robert đã quyết định trở thành thủy thủ dũng cảm như Harry Grant và John Mangles và cùng làm việc với họ dưới sự bảo trợ của huân tước Glenarvan.

Sau tất cả những chiến công của mình, nhà bác học dũng cảm không thể không trở nên nổi tiếng được. Những câu chuyện về sự dăng trí của ông đã gây nên những ấn tượng mạnh mẽ trong giới thượng lưu ở Scotland. Nhà địa lý được người ta giành nhau mời đến thuyết trình. Nhưng ông không thể nào đến hết được mọi nơi. Vậy mà có một cô gái ba mươi tuổi dễ thương, người đó không phải là

ai khác mà chính là cô Arabella, người em họ của thiếu tá Mac Nabbs, hiền lành và hấp dẫn đã yêu nhà bác học địa lý và sẵn sàng hiến dâng trái tim cho chàng. Paganel không thể từ chối tình yêu thắm thiết của nàng. Và hai tuần lễ sau, đám cưới của họ đã được tổ chức tưng bừng tại lâu đài Malcolm.

Sự kiện thuyền trưởng Grant trở về Scotland đã trở thành ngày hội dân tộc. Còn chính bản thân ông thì trở thành một người lừng tiếng khắp xứ Scotland. Con trai Robert của ông được đào tạo thành thủy thủ nối gót cha và thuyền trưởng John Mangles. Với sự hỗ trợ của huân tước Glenarvan, chú không từ bỏ ý định thành lập vùng di dân Scotland trên các hòn đảo Thái Bình Dương.

MỤC LỤC

1. Ba lá thư của thuyền trưởng Grant ... Trg.3	
2. Lâu đài Malcolm	17
3. Hành khách phòng số 6	28
4. Vĩ tuyến ba mươi bảy.....	48
5. Trên độ cao ba ngàn sáu trăm mét.....	55
6. Những con sói Nam Mỹ.....	67
7. Ở đồn Độc Lập	81
8. Trở lại tàu Duncan.....	89
9. Ayrton.....	96
10. Ra đi	111
11. Báo Australian và New Zealand	122
12. Aland Zealand.....	135
13. Bốn ngày cực nhọc	146
14. Trong tay những người Maori	162
15. Những giờ cuối cùng	175
16. Giải thích hải trình của tàu Duncan... ..	198
17. Bản giao kèo.....	206
18. Tiếng kêu trong đêm	215
19. Thuyền trưởng Grant trở về.....	235
Mục lục.....	238

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (84.04) 9434044;

Fax: 04. 8229078

Chi nhánh: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Q.3 - Tp.

HCM - ĐT: (08). 9303262

Tủ sách TRONG GIA ĐÌNH

Nhiều tác giả

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập : THANH HẰNG

Trình bày : THIÊN THIÊN

Sửa bản in : BÍCH THỦY

Bìa : HUY TIẾN

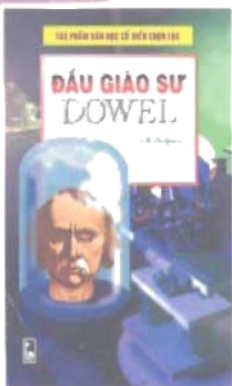
In 700 cuốn, khổ 10.5 cm x 17.5 cm. Tại Xi nghiệp in Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số đăng ký KHXB số 58/832 CXB. Do Cục Xuất Bản cấp ngày 18.06.2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10.2001.

Mời các bạn đón đọc

TÁC PHẨM VĂN HỌC CỔ ĐIỂN CHỌN LỌC

Trọn bộ 25 tác phẩm nổi tiếng
chọn lọc của các tác giả lừng danh: Voltaire,
Hugo, Alexandre Dumas, Jules Verne,
Jack London, Mark Twain, Daniel
Defoe, A.R. Beljaev, H.G. Wells...



Nhà sách **TÂN**
ĐƯỜNG CÔNG HÒA, P. 5
Tel: 844791 00

VĂN PHÒNG 145 SÀI - ĐỨC
145 ĐƯỜNG CÔNG HÒA, P. 5, Q. 5
2874751
17000đ